

Số: /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản, nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang và Nghị quyết số 13/NQ-ĐHNT ngày 10/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐT ngày 31/12/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Công nghệ chế biến Thủy sản (mở lại) và thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường phòng Đào tạo Sau đại học và Trường khoa Kế toán - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (mã số: 8340201), bắt đầu tuyển sinh từ năm 2025.

Điều 2. Giao Khoa Kế toán - Tài chính quản lý ngành Tài chính - Ngân hàng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trường khoa Kế toán - Tài chính, Trường phòng Đào tạo Sau đại học và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

---o0o---



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành đào tạo: **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Mã số: **8340201**

Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Nha Trang**

Khánh Hòa, tháng 09 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I - GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH1

I.1. Quá trình xây dựng, phát triển sứ mệnh và tầm nhìn Nhà trường.....	1
I.2. Các ngành, trình độ và hình thức đào tạo	2
I.3. Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý	6
I.4. Quy mô đào tạo các trình độ.....	7
I.5. Cơ sở vật chất.....	12
I.6. Giới thiệu về Khoa Kế toán – Tài chính.....	13

PHẦN II - SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO16

II.1. Nhu cầu đào tạo và nhân lực phục vụ thị trường	16
II.2. Xu hướng phát triển của ngành đào tạo.....	17
II.3. Chủ trương mở ngành đào tạo	17
II.4. Kết quả khảo sát về nhu cầu học tập trình độ thạc sĩ của ngành TCNH	17
II.5. Kết luận và lý do đề nghị mở ngành đào tạo.....	23

PHẦN III - ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH VÀ NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO25

III.1. Điều kiện mở ngành đào tạo	25
III.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng.....	27
III.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	35
III.3.1. Phòng học và trang thiết bị phục vụ giảng dạy	35
III.3.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành	37
III.3.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo.....	37

III.4. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo.....	49
III.4.1. Đơn vị chuyên môn cấp Khoa.....	49
III.4.2. Phân công quản lý chuyên môn và quản lý đào tạo	49
III.4.3. Phân công phụ trách học phần.....	49
III.4.4. Giám sát, đo lường mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của CTĐT, điều chỉnh chương trình đào tạo và học phần	50
III.4.5. Khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến theo quy định của thông tư mở ngành và chuẩn cơ sở giáo dục đại học.....	50
III.5. Hoạt động nghiên cứu khoa học.....	50
III.5.1. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu tham gia xây dựng đề án mở ngành thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	50
III.5.2. Đề tài khoa học các cấp được thực hiện bởi cán bộ cơ hữu tham gia xây dựng đề án mở ngành thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng.....	57
III.5.3. Các hướng nghiên cứu đề án và dự kiến người hướng dẫn:.....	58
III.6. Hợp tác trong nước và quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.....	60
III.7. Phương án, giải pháp đề phòng ngừa và xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	61
PHẦN IV- CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	64
IV.1. Quá trình xây dựng chương trình đào tạo.....	64
IV.2. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo	64
PHẦN V. TỰ ĐÁNH GIÁ	Error! Bookmark not defined.
PHỤ LỤC CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN.....	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng I.1. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy	2
Bảng I.2. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ.....	5
Bảng I.3. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	6
Bảng I.4. Số lượng NCS trúng tuyển từ năm 2020 đến năm 2024.....	8
Bảng I.5. Quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ tính đến ngày 31/12/2024	8
Bảng I.6. Chỉ tiêu tuyển sinh theo các ngành năm 2025	9
Bảng I.7. Số liệu về tuyển sinh thạc sĩ từ 2020-2024.....	9
Bảng I.8: Cơ cấu tuyển sinh thạc sĩ từ 2020-2024	9
Bảng I.9. Quy mô đào tạo năm học 2023 - 2024.....	10
Bảng I.10. Đội ngũ giảng viên và nhân viên cơ hữu của Khoa giai đoạn 2017-2025 ..	14
Bảng III.1. Danh sách Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	25
Bảng III.2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	28
Bảng III.3: Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia trong chương trình đào tạo	29
Bảng III.4: Danh sách giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia trong chương trình đào tạo.....	31
Bảng III.5: Danh sách cán bộ quản lý phụ trách đào tạo.....	35
Bảng III.6: Danh mục phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm và các CSVC khác	35
Bảng III.7: Danh sách các phòng thực hành hiện Khoa Kế toán – Tài chính đang sử dụng	37
Bảng III.8: Danh mục sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ ngành đào tạo	38
Bảng III.9: Danh mục tạp chí của ngành đào tạo	48
Bảng III.10: Công trình tiêu biểu trong 5 năm gần đây của các giảng viên trong hội đồng xây dựng đề án mở ngành Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	50
Bảng III.11: Danh mục đề tài khoa học các cấp được thực hiện bởi các giảng viên trong hội đồng xây dựng ngành Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng.....	57
Bảng III.12: Các hướng nghiên cứu đề tài đề án và dự kiến người hướng dẫn	58

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình I.1. Số lượng GV và CBQL phân phối theo Khoa/Viện	7
Hình I.2. Tỷ lệ phần trăm GV và CBQL	7
Hình I.3. Quy mô đào tạo hàng năm - đại học chính quy từ khóa 50 đến khóa 66.....	11
Hình I.4. Quy mô đào tạo theo ngành - đại học chính quy từ khóa 50 đến khóa 66.....	11
Hình I.5. Quy mô đào tạo theo khoa - đại học chính quy của khóa 66	12
Hình I.6. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức Khoa KTTC	14
Hình III.1: Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ đại học.....	27

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CBQL	Cán bộ quản lý
CBVC	Cán bộ viên chức
ĐH	Đại học
ĐHNT	Đại học Nha Trang
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
GD-ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giảng viên
GVC	Giảng viên chính
GVCC	Giảng viên cao cấp
HSCN	Hành chính sự nghiệp
HTĐN	Hợp tác đối ngoại
HTQT	Hợp tác quốc tế
KTTC	Kế toán - Tài chính
NCS	Nghiên cứu sinh
PGS	Phó giáo sư
QĐ	Quyết định
TCNH	Tài chính - ngân hàng
ThS	Thạc sĩ
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TS	Tiến sĩ
VC	Viên chức
VC-NLĐ	Viên chức – Người lao động

PHẦN I - GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH

I.1. Quá trình xây dựng, phát triển sứ mệnh và tầm nhìn Nhà trường

Trường ĐHNT trực thuộc Bộ GDĐT, có cơ sở tại số 02 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tiền thân của Trường là Khoa Thủy sản được thành lập ngày 01/8/1959 tại Học viện Nông Lâm, Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam), là nơi mở đầu cho sự nghiệp đào tạo CB có trình độ ĐH của nghề cá Việt Nam. Ngày 16/8/1966, theo QĐ số 155/CP của Thủ tướng Chính phủ, Khoa Thủy sản được tách ra khỏi Học viện Nông Lâm để trở thành Trường Thủy sản.

Sau khi thống nhất đất nước, Trường di chuyển từ Hải Phòng vào thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và lấy tên là Trường ĐH Hải sản theo QĐ số 01/QĐ-BHS ngày 04/10/1976 của Bộ Hải sản. Ngày 12/8/1981 Trường ĐH Hải sản được đổi tên thành Trường ĐH Thủy sản theo Công văn số 80TS/VP của Bộ Thủy sản. Theo QĐ số 172/QĐ-TTg ngày 25/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Trường đổi tên thành Trường ĐHNT.

Sứ mạng và tầm nhìn của Trường (được cập nhật trong Nghị quyết số 1038/NQ-ĐHNT ban hành ngày 06/10/2021 về Chiến lược phát triển Trường đến 2030, tầm nhìn 2045) là:

Sứ mạng của Trường là “Nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực trình độ cao và chuyển giao tri thức đa lĩnh vực, chú trọng phát huy thế mạnh lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản”.

Tầm nhìn của Trường là “Đến năm 2045 là ĐH có thứ hạng cao của Việt Nam; thuộc nhóm đầu các ĐH ở Châu Á về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản”.

Theo QĐ số 840/QĐ-ĐHNT ngày 25/7/2019, triết lý và Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHNT đã được xây dựng như sau:

Triết lý giáo dục của Trường là “phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng”.

Mục tiêu giáo dục của Trường nhằm phát triển ở người học:

- + Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe;
- + Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp;
- + Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp;
- + Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ;
- + Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp.

I.2. Các ngành, trình độ và hình thức đào tạo

Hiện nay, Trường ĐH Nha Trang đang đào tạo 60 ngành/chuyên ngành trình độ đại học (Bảng I.1), 16 ngành trình độ thạc sĩ (Bảng I.2) và 08 ngành trình độ tiến sĩ (Bảng I.3).

Bảng I.1. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy

TT	Mã số	Tên ngành	Tên Khoa
1	7510202	Công nghệ chế tạo máy	Khoa Cơ khí
2	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	
3	7520103	Kỹ thuật cơ khí - các chuyên ngành: - Kỹ thuật Cơ khí - Thiết kế và chế tạo số	
4	7520115	Kỹ thuật nhiệt	
5	7480201	Công nghệ thông tin – các chuyên ngành/ chương trình: - Chuyên ngành Công nghệ phần mềm - Chuyên ngành Hệ thống thông tin - Chuyên ngành Truyền thông và Mạng máy tính - Chương trình đào tạo đặc biệt	Khoa Công nghệ Thông tin
6	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
7	7480101	Khoa học máy tính - các chuyên ngành: - Trí tuệ nhân tạo - Khoa học dữ liệu	
8	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản - các chương trình: - Chương trình đào tạo chuẩn - Chương trình đào tạo đặc biệt	Khoa Công nghệ thực phẩm
9	7540101	Công nghệ thực phẩm - các chuyên ngành: - Chuyên ngành Công nghệ thực phẩm - Khoa học dinh dưỡng và Ẩm thực	
10	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	
11	7520301	Kỹ thuật hoá học - các chuyên ngành: - Chuyên ngành Công nghệ vật liệu - Chuyên ngành Hợp chất tự nhiên	

TT	Mã số	Tên ngành	Tên Khoa
12	7520201	Kỹ thuật điện	Khoa Điện - Điện tử
13	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
14	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - các chuyên ngành: - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chương trình song ngữ Pháp - Việt)	Khoa Du lịch
15	7810201	Quản trị Khách sạn - các chương trình: - Chương trình đào tạo chuẩn - Chương trình đào tạo đặc biệt	
16	7340301	Kế toán - các chương trình: - Chương trình đào tạo chuẩn - Chương trình đào tạo đặc biệt	Khoa Kế toán - Tài chính
17	7340302	Kiểm toán	
18	7340201	Tài chính - Ngân hàng - các chuyên ngành: - Tài chính – Ngân hàng hệ đào tạo đặc biệt - Công nghệ tài chính - Tài chính - Ngân hàng	
19	7380101	Luật - các chuyên ngành: - Luật (Chuyên ngành Luật) - Luật (Chuyên ngành Luật Kinh tế)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
20	7340121	Kinh doanh thương mại	Khoa Kinh tế
21	7310101	Kinh tế - các chuyên ngành: - Kinh tế thủy sản - Quản lý kinh tế	
22	7310105	Kinh tế phát triển	
23	7340115	Marketing	
24	7340101	Quản trị kinh doanh - các chương trình: - Chương trình đào tạo chuẩn - Chương trình đào tạo đặc biệt	
25	7840106	Khoa học hàng hải	Khoa Kỹ thuật Giao thông
26	7520206	Kỹ thuật biển	

TT	Mã số	Tên ngành	Tên Khoa
27	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	
28	7520130	Kỹ thuật ô tô	
29	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	
30	7220201	Ngôn ngữ Anh - các chuyên ngành: - Chuyên ngành Biên-phiên dịch - Chuyên ngành Tiếng Anh du lịch - Chuyên ngành Giảng dạy Tiếng Anh - Chuyên ngành song ngữ Anh-Trung	Khoa Ngoại Ngữ
31	7580201	Kỹ thuật xây dựng - các chuyên ngành: - Kỹ thuật xây dựng - Quản lý xây dựng	Khoa Xây dựng
32	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
33	7420201	Công nghệ sinh học - các chuyên ngành: - Công nghệ sinh học thực phẩm – thủy sản - Công nghệ sinh học y dược - thú y - Cử nhân Công nghệ sinh học - Công nghệ sinh học Minh Phú - NTU	Viện Công nghệ sinh học và Môi trường
34	7520320	Kỹ thuật môi trường - các chuyên ngành: - Kỹ thuật Môi trường - Quản lý Môi trường và An toàn vệ sinh lao động	
35	7620304	Khai thác thủy sản	Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản
36	7620303	Khoa học thủy sản	
37	7620305	Quản lý thủy sản	
38	7620301	Nuôi trồng thủy sản - các chuyên ngành/ chương trình: - Công nghệ nuôi trồng thủy sản - Quản lý nuôi trồng thủy sản - Quản lý sức khỏe động vật thủy sản - Chương trình đào tạo đặc biệt	Viện Nuôi trồng thủy sản

Bảng I.2. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

STT	Mã số	Tên ngành	Tên Khoa
1	8520103	Kỹ thuật cơ khí - các chuyên ngành: - Chuyên ngành Kỹ thuật Chế tạo - Chuyên ngành Kỹ thuật Nhiệt lạnh	Khoa Cơ khí
2	8480201	Công nghệ Thông tin	Khoa Công nghệ Thông tin
3	8540105	Công nghệ chế biến thủy sản	Khoa Công nghệ thực phẩm
4	8540101	Công nghệ thực phẩm	
5	8810103	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Khoa Du lịch
6	8340301	Kế toán	Khoa Kế toán - Tài chính
7	8310105	Kinh tế phát triển - các chuyên ngành: - Thạc sĩ Kinh tế phát triển - hướng ứng dụng - Thạc sĩ Kinh tế phát triển - hướng nghiên cứu	Khoa Kinh tế
8	8340410	Quản lý kinh tế	
9	8340101	Quản trị kinh doanh - các chuyên ngành: - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - hướng ứng dụng - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - hướng nghiên cứu	
10	8520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	Khoa Kỹ thuật Giao thông
11	8520130	Kỹ thuật ô tô	
12	8580201	Kỹ thuật xây dựng - các chuyên ngành: - Chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng - Chuyên ngành Quản lý Công trình giao thông	Khoa Xây dựng
13	8420201	Công nghệ sinh học - các chuyên ngành: - CNSH thực phẩm – thủy sản - CNSH y dược – thú y	Viện Công nghệ sinh học và Môi trường
14	8620304	Khai thác thủy sản	

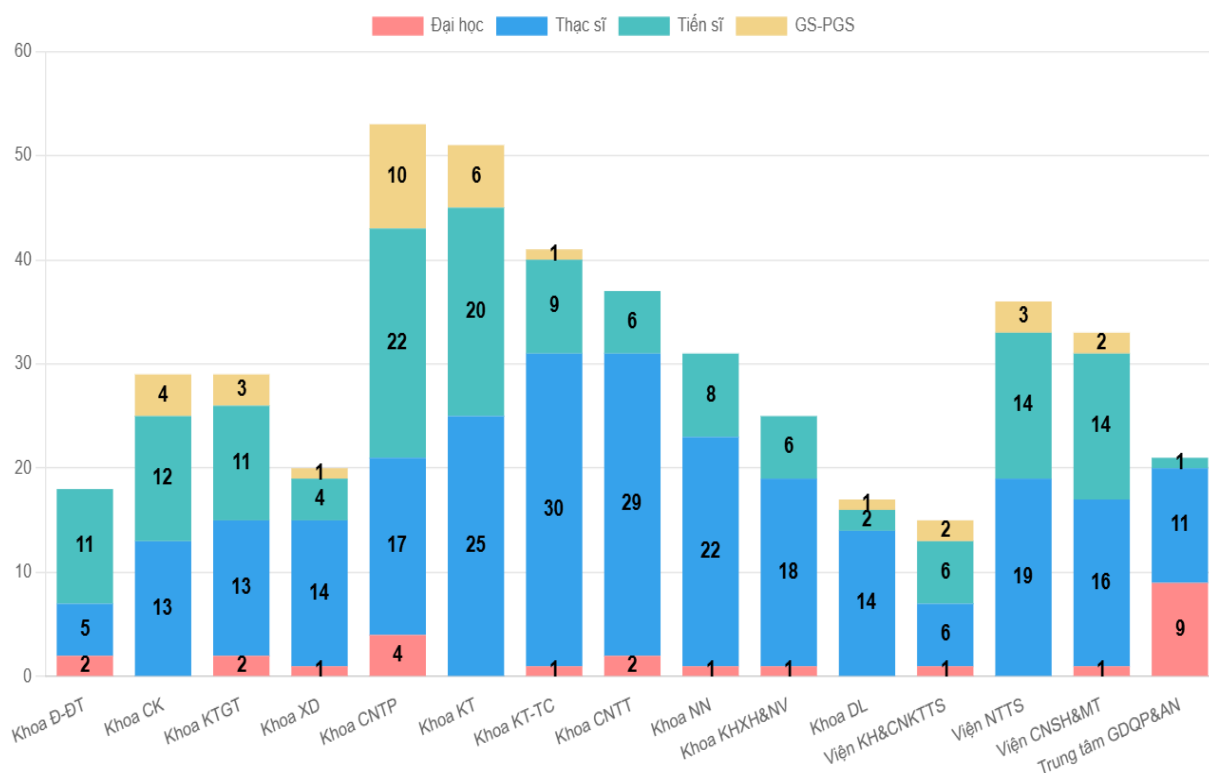
STT	Mã số	Tên ngành	Tên Khoa
15	8620305	Quản lý Thủy sản	Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản
16	8620301	Nuôi trồng Thủy sản	Viện Nuôi trồng thủy sản

Bảng I.3. Các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

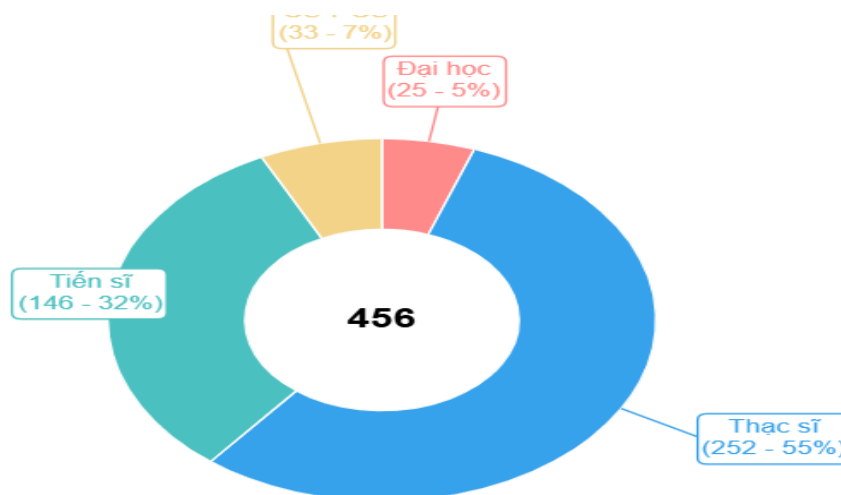
STT	Mã số	Tên ngành	Tên Khoa
1	9520103	Kỹ thuật cơ khí	Khoa Cơ khí
2	9520116	Kỹ thuật Cơ khí Động lực	
3	9540101	Công nghệ thực phẩm	Khoa Công nghệ thực phẩm
4	9310109	Kinh tế và Quản lý tài nguyên Biển	Khoa Kinh tế
5	9340101	Quản trị kinh doanh	
6	9420201	Công nghệ sinh học	Viện Công nghệ sinh học và Môi trường
7	9620304	Khai thác thủy sản	Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản
8	9620301	Nuôi trồng thủy sản	Viện Nuôi trồng thủy sản

I.3. Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ của Trường không ngừng nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Tính đến tháng 5/2025, tổng số VC-NLĐ của Trường là 660 người, bao gồm 452 GV (chiếm tỉ lệ 68,5%) và 208 VC hành chính, phục vụ (chiếm tỉ lệ 31,5%). Đội ngũ VC của Trường có 02 GS, 31 PGS, 185 TS, 328 ThS, 34 GVCC, 62 GVC và 07 chuyên viên chính. Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu là 39,8% (180/452), tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trở lên trên tổng số GV cơ hữu là 56,4% (255/452).



Hình I.1. Số lượng GV và CBQL phân phối theo Khoa/Viện



Hình I.2. Tỷ lệ phần trăm GV và CBQL

I.4. Quy mô đào tạo các trình độ

1. Đào tạo tiến sĩ

Thống kê số lượng NCS trúng tuyển từ năm 2020 đến năm 2024 được thể hiện trên Bảng I.4.

Bảng I.4. Số lượng NCS trúng tuyển từ năm 2020 đến năm 2024

TT	Ngành	Khóa				
		2020	2021	2022	2023	2024
1	Nuôi trồng thủy sản	3	1			2
2	Khai thác thủy sản					2
3	Kỹ thuật cơ khí động lực			1	1	
4	CN thực phẩm		1	1	1	1
5	Quản trị kinh doanh		2	1	1	8
6	Kỹ thuật cơ khí		1			1
7	Công nghệ sinh học		3	1	2	2
8	Kinh tế và Quản lý tài nguyên Biển			8		2
TỔNG		3	8	12	5	18

Quy mô đào tạo (số người học) trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Nha Trang tính đến ngày 31/12/2024 được thể hiện ở Bảng I.5.

Bảng I.5. Quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ tính đến ngày 31/12/2024

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô đào tạo (NCS)
1	Khai thác thủy sản	9620304	2
2	Nuôi trồng thủy sản	9620301	9
3	Công nghệ thực phẩm	9540101	4
4	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	2
5	Quản trị kinh doanh	9340101	12
6	Công nghệ sinh học	9420201	8
7	Kỹ thuật cơ khí	9520103	2
8	Kinh tế và Quản lý tài nguyên Biển	9310109	9
TỔNG			48

Chỉ tiêu tuyển sinh theo các ngành đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Nha Trang được thể hiện trên Bảng I.6.

Bảng I.6. Chỉ tiêu tuyển sinh theo các ngành năm 2025

STT	Ngành	Mã số	Chỉ tiêu tuyển sinh	Ghi chú
1	Khai thác thủy sản	9620304	5	
2	Nuôi trồng thủy sản	9620301	8	Có tuyển sinh theo đề án 89
3	Công nghệ thực phẩm	9540101	5	
4	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	5	
5	Quản trị kinh doanh	9340101	12	
6	Công nghệ sinh học	9420201	8	
7	Kỹ thuật cơ khí	9520103	5	
8	Kinh tế và Quản lý tài nguyên Biển	9310109	8	Đào tạo bằng tiếng Anh (chương trình quốc tế) và chương trình bằng tiếng Việt
	Tổng		58	

2. Đào tạo thạc sĩ

Kết quả tuyển sinh thạc sĩ từ năm 2020 đến năm 2024 được thể hiện trên Bảng I.7.

Bảng I.7. Số liệu về tuyển sinh thạc sĩ từ 2020-2024

TT	Năm	2020	2021	2022	2023	2024
1	Chỉ tiêu	373	328	430	425	410
2	Thực hiện	129	138	159	207	163

Cơ cấu tuyển sinh thạc sĩ từ năm 2020 đến năm 2024 được thể hiện trên Bảng I.8.

Bảng I.8: Cơ cấu tuyển sinh thạc sĩ từ 2020-2024

TT	Mã ngành	Ngành/chuyên ngành	2020	2021	2022	2023	2024
1	8620301	Nuôi trồng thủy sản	8	6	15	13	6
2	8420201	Công nghệ sinh học	10	8	9	13	13
3	8540101	Công nghệ thực phẩm	5	0	5	2	0
4	8540105	Công nghệ Chế biến thủy sản	0	0	0	0	8

TT	Mã ngành	Ngành/chuyên ngành	2020	2021	2022	2023	2024
5	8620304	Khai thác thủy sản	0	0	0	0	2
6	8620305	Quản lý thủy sản	52	9	3	8	9
7	8520103	Kỹ thuật cơ khí	0	1	0	16	2
8	8520130	Kỹ thuật ô tô	0	3	4	2	16
9	8520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	8	4	1	4	1
10	8340101	Quản trị kinh doanh	19	41	36	46	53
11	8310105	Kinh tế phát triển	1	3	2	16	1
12	8310110	Quản lý kinh tế	26	58	41	49	24
13	8810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	0	10	19	14	14
14	8340301	Kế toán	0	3	24	24	9
Tổng			129	138	159	207	163

Quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Nha Trang năm học 2023-2024 được thể hiện trên Bảng I.9.

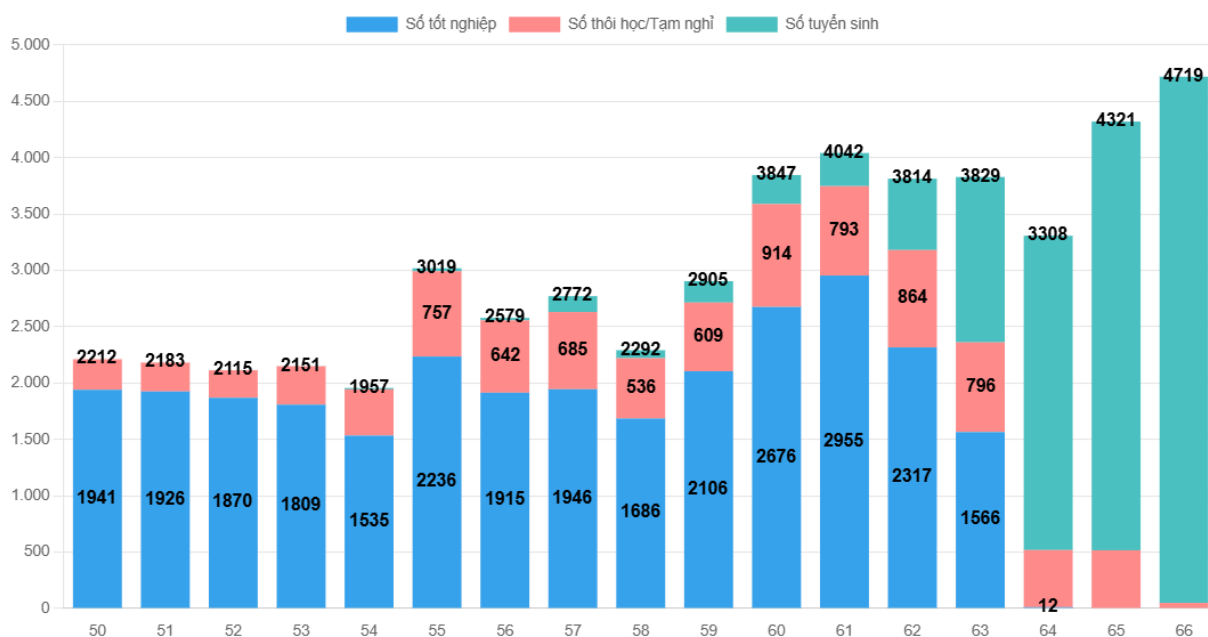
Bảng I.9. Quy mô đào tạo năm học 2023 - 2024

STT	Trình độ/linh vực/ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô đào tạo
1	Nuôi trồng thủy sản	8620301	33
2	Công nghệ sinh học	8420201	37
3	Công nghệ thực phẩm	8540101	3
4	Công nghệ chế biến thủy sản	8540105	7
5	Khai thác thủy sản	8620304	2
6	Quản lý thủy sản	8620305	22
7	Kỹ thuật cơ khí	8520103	20
8	Kỹ thuật ô tô	8520130	18
9	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	10
10	Quản trị kinh doanh	8340101	140
11	Kinh tế phát triển	8310105	12
12	Quản lý kinh tế	8310110	127
13	Kế toán	8340301	33

STT	Trình độ/lĩnh vực/ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô đào tạo
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	38
	Tổng		502

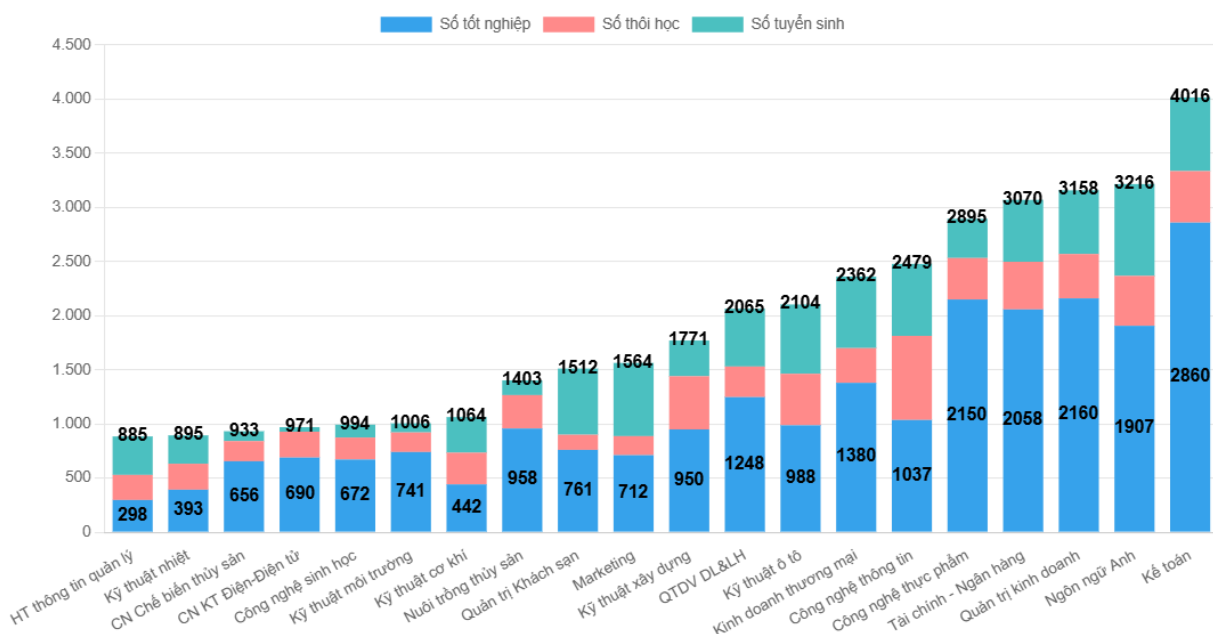
3. Đào tạo trình độ đại học

Quy mô đào tạo hàng năm hệ chính quy từ khóa 50 đến khóa 66 tại Trường Đại học Nha Trang được thể hiện trên Hình I.3.



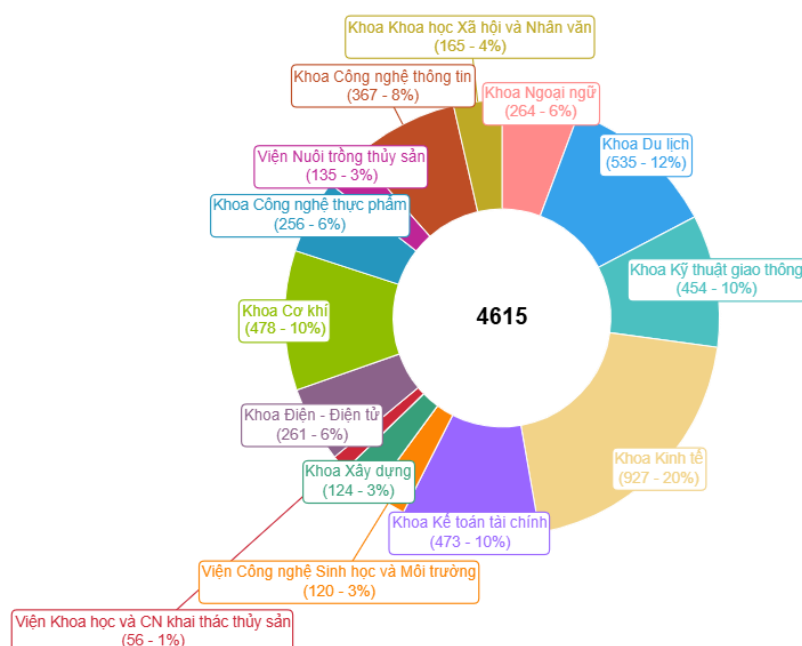
Hình I.3. Quy mô đào tạo hàng năm - đại học chính quy từ khóa 50 đến khóa 66

Quy mô đào tạo theo ngành từ khóa 50 đến khóa 66 được thể hiện trên Hình I.4.



Hình I.4. Quy mô đào tạo theo ngành - đại học chính quy từ khóa 50 đến khóa 66

Quy mô đào tạo theo Khoa của khóa 66 được thể hiện trên Hình I.5.



Hình I.5. Quy mô đào tạo theo khoa - đại học chính quy của khóa 66

I.5. Cơ sở vật chất

Cơ sở đào tạo chính của Trường đặt tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra Trường còn liên kết đào tạo tại nhiều địa phương khác trong cả nước từ Quảng Ninh đến Cà Mau.

Khuôn viên chính của Trường có tổng diện tích 17,3 ha nằm trên vùng đồi hai mặt giáp biển, cách trung tâm thành phố Nha Trang 1,5 km, sân bay Cam Ranh 35 km, cách ga xe lửa gần 4km, cách bến xe ô tô phía Nam 5km và bến xe phía Bắc gần 2 km. Trường có 9 khu giảng đường - với tổng diện tích gần 28.000m², với 100 phòng học có sức chứa (60 – 200) SV/phòng, mỗi phòng học đều trang bị các thiết bị chuyên dùng như projector, hệ thống âm thanh, máy tính nối mạng internet hỗ trợ việc dạy và học.

Các phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí ở các khu vực trong nhà trường, được giao cho các Khoa chuyên ngành quản lý và bố trí lịch sử dụng các phòng này. Sinh viên và các Học viên Sau đại học được tạo những điều kiện tốt nhất để thực hiện các thí nghiệm và các nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của cán bộ giảng dạy. Ngoài ra, Trường còn có các cơ sở thực hành thực tập tại các Xưởng, Trạm, Trại, Trung tâm bên ngoài khuôn viên Trường như Trại thực nghiệm Nuôi trồng Thủy sản tại Ninh Hòa, Cam Ranh; Viện Nghiên cứu Chế tạo Tàu thủy tại Hòn Rớ, Nha Trang...

Ký túc xá của Trường gồm 15 tòa nhà 1 đến 7 tầng với tổng diện tích 18.000 m² có khả năng đáp ứng được nhu cầu về chỗ ở cho khoảng 5.000 sinh viên của Trường. Sinh viên giỏi, sinh viên diện chính sách được ở miễn phí trong KTX khuyến học. KTX Cao học là nơi ở của các học viên cao học, nghiên cứu sinh và của chuyên gia. Bên cạnh khu ký túc xá là Nhà ăn phục vụ sinh viên với các bữa ăn đảm bảo vệ sinh, ngon miệng

và phù hợp với điều kiện của sinh viên. Câu lạc bộ sinh viên, Nhà thi đấu đa năng và sân chơi thể thao nằm trong khuôn viên của Trường là nơi thu hút sinh viên vào các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao vui chơi giải trí ngoài giờ học.

I.6. Giới thiệu về Khoa Kế toán – Tài chính

Khoa Kế toán – Tài chính (KT-TC), Trường Đại học Nha Trang, là một trong những đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu trong các lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và Tài chính – Ngân hàng. Khoa không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số.

▪ *Lịch sử hình thành và phát triển của Khoa KT-TC*

Khoa KT-TC được thành lập vào ngày 08/04/2010 theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang, trên cơ sở tách Bộ môn Kế toán và Bộ môn Tài chính – Ngân hàng từ Khoa Kinh tế. Trải qua hơn một thập kỷ xây dựng và phát triển, Khoa đã khẳng định vị thế là một trong những đơn vị đào tạo chủ lực của Trường.

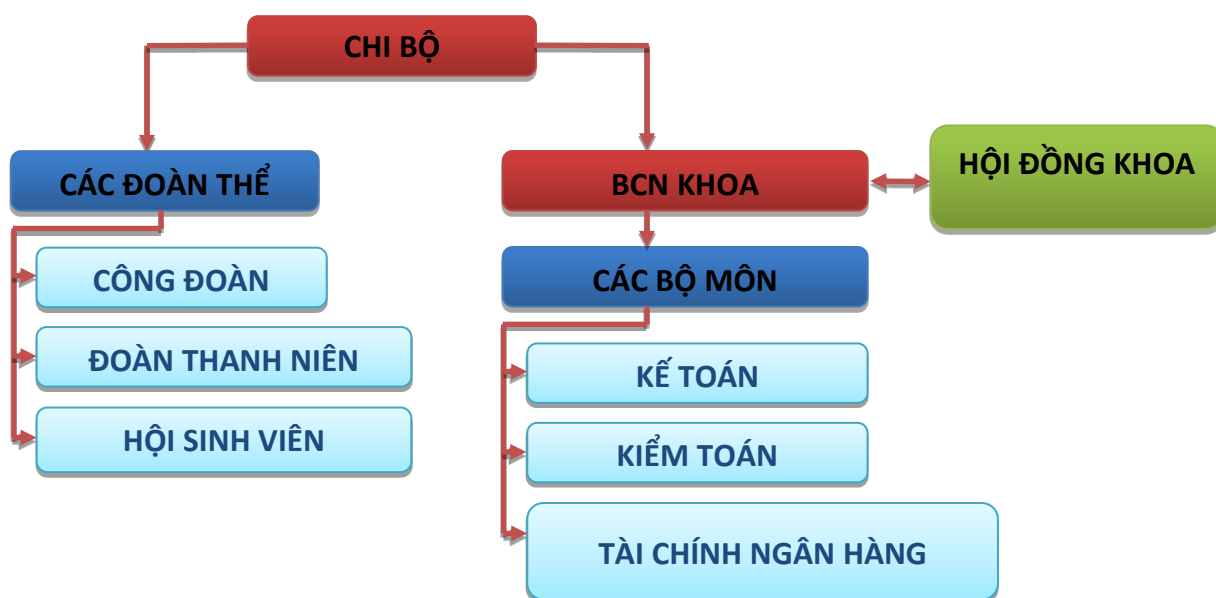
Khoa hiện đào tạo ba ngành bậc đại học: Kế toán, Kiểm toán và Tài chính – Ngân hàng; đồng thời triển khai CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Kế toán. Nhiều mốc quan trọng đã được ghi nhận, tiêu biểu như: Áp dụng CTĐT theo định hướng nghề nghiệp (POHE) ngành Kế toán từ năm 2020; Triển khai đào tạo chuyên ngành Công nghệ tài chính (Fintech) từ khóa 64; Được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán (năm 2021); Đặc biệt, ngày 19/12/2024, CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng đã được cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ Đại học. Khoa hiện quản lý gần 2.000 sinh viên chính quy và hơn 500 sinh viên hệ vừa học vừa làm.

Nhờ có sự đoàn kết và cố gắng không ngừng của tập thể CBVC Khoa KTTC trong những năm qua, Khoa KTTC đã đạt được nhiều thành tích trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD được Nhà trường và bộ GDĐT ghi nhận và khen tặng. Cụ thể, (1) Khoa KTTC đạt thành tích tập thể lao động xuất sắc các năm học 2016 - 2017 và 2020 - 2021; (2) Giấy khen của Hiệu trưởng tặng vì có nhiều thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển của Khoa và Nhà trường (QĐ số 1395/QĐ-ĐHNT ngày 16/11/2020); (3) Giấy khen của Hiệu trưởng tặng vì có nhiều đóng góp trong công tác hợp tác đối ngoại, giai đoạn 2016-2021 (QĐ số 610/QĐ-ĐHNT ngày 14/6/2021); đặc biệt 11/3/2022, Khoa KTTC được bộ GDĐT tặng Cờ thi đua về đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập (QĐ số 685/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2022).

▪ *Cơ cấu tổ chức của Khoa*

Khoa KT-TC hiện gồm ba Bộ môn chuyên môn: Bộ môn Kế toán; Bộ môn Kiểm toán và Bộ môn Tài chính – Ngân hàng. Đội ngũ cán bộ cơ hữu của Khoa giai đoạn 2016 - 2017 có 43 người. Đến tháng 4/2025, đội ngũ cán bộ cơ hữu của Khoa hiện có 41 người (10 TS, trong đó có 01 PGS chuyên ngành TCNH; 30 ThS, trong đó có 3 NCS trong nước, 4 NCS nước ngoài và 1 cử nhân). Ngoài ra, còn có sự tham gia giảng dạy

(GD) của các GV ở các BM khác trong Trường. Tình hình biến động nhân sự của Khoa KT-TC giai đoạn 2017-2025 thể hiện ở Bảng I.10.



Hình I.6. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức Khoa KTTC

Bảng I.10. Đội ngũ giảng viên và nhân viên cơ hữu của Khoa giai đoạn 2017-2025

Đội ngũ	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Theo học hàm, học vị									
Phó Giáo sư								1	1
Tiến sĩ	6	5	4	5	7	8	9	9	9
Thạc sĩ	31	36	34	33	31	30	30	30	30
Cử nhân	6	1	01	01	01	01	01	01	01
Tổng	43	42	39	39	39	39	40	41	41
Theo ngạch giảng viên, chuyên viên									
GVCC	0	0	0	0	0	0	0	01	01
GVC	03	03	01	02	02	02	07	06	06
GV	38	37	36	35	35	35	32	32	32
GV thực hành	01	01	01	01	01	01	01	01	01
Chuyên viên	01	01	01	01	01	01	01	01	01
Tổng	43	42	39	39	39	39	40	41	41

- ***Cơ sở vật chất hiện tại của Khoa***

Ngoài Văn phòng Khoa, văn phòng các BM, phòng chuyên đề, Khoa KTTC có Phòng thực hành Ngân hàng (NTU Bank) được đặt tại tầng 5 của Tòa Nhà Đa Năng nằm ở phía Tây Nam khuôn viên Trường.

- ***Giới thiệu về ngành Tài chính – Ngân hàng***

Ngành Tài chính – Ngân hàng được đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang từ năm 2006, với khóa 47 là khóa đầu tiên. Năm 2025 đánh dấu 15 năm thành lập Khoa Kế toán – Tài chính và 20 năm đào tạo ngành TCNH. Hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp, ngân hàng, cơ quan nhà nước, tổ chức tài chính và nhiều người giữ vị trí quan trọng hoặc là giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng.

Chương trình đào tạo ngành TCNH được thiết kế hiện đại, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội làm việc tại các tổ chức tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế, phi chính phủ.

Từ năm 2022, Khoa triển khai đào tạo chuyên ngành Công nghệ tài chính (Fintech), giúp sinh viên ứng dụng công nghệ vào dịch vụ tài chính thông qua các môn như Dữ liệu lớn trong tài chính, lập trình Python, phân tích dữ liệu và kinh doanh kỹ thuật số. Đây là ngành học hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường Fintech.

PHẦN II - SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

II.1. Nhu cầu đào tạo và nhân lực phục vụ thị trường

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào khu vực và toàn cầu, cùng với sự gia tăng cạnh tranh trong mọi lĩnh vực, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành một nhiệm vụ cấp thiết mang tính chiến lược đối với mỗi quốc gia, địa phương và ngành nghề. Nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ là động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mà còn là yếu tố then chốt góp phần đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và khả năng thích ứng với các biến động toàn cầu.

Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, với vị trí địa lý chiến lược cùng điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng (biển đảo, tài nguyên, quỹ đất rộng lớn), đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Theo kết quả Điều tra dân số giữa kỳ năm 2024, dân số Việt Nam đạt 101,1 triệu người, trong đó khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên chiếm khoảng 12% dân số cả nước, tương đương 12,1 triệu người. Đồng thời, khu vực này sở hữu khoảng 24,8% diện tích đất tự nhiên của cả nước, cho thấy tiềm năng lớn về không gian phát triển kinh tế và mở rộng quy mô sản xuất. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực này vẫn còn đối mặt với nhiều rào cản, trong đó nổi bật là tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực có khả năng hoạch định chính sách tài chính – tiền tệ, quản lý tài chính doanh nghiệp, và phân tích dữ liệu tài chính trong bối cảnh chuyển đổi số và biến động kinh tế toàn cầu ngày càng mạnh mẽ.

Theo Báo cáo mới nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đang thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, kế toán – kiểm toán, đặc biệt là đội ngũ có trình độ sau đại học, có khả năng nghiên cứu, tư vấn, hoạch định chiến lược tài chính, quản trị rủi ro, tài trợ dự án và phát triển kinh tế số. Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành của bộ máy nhà nước mà còn làm giảm sức cạnh tranh và thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trên địa bàn.

Trước thực tế đó, việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng là yêu cầu bức thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước trong giai đoạn tới.

Từ kết quả điều tra, phân tích nhu cầu xã hội có thể thấy rằng: nhu cầu nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ – ngân hàng tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là rất lớn và ngày càng gia tăng. Nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành TCNH không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn hoạch định chính sách cho các cơ quan quản lý nhà nước, mà còn góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn trong khu vực sản xuất – kinh doanh, từ việc đề xuất chính sách, định hướng phát triển đến xây dựng và thực thi các giải pháp tài chính phù hợp với bối cảnh hội nhập sâu rộng và kinh tế mở cửa.

Tuy nhiên, hiện nay trong số hơn 10 trường đại học đang hoạt động tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, chỉ có rất ít đơn vị triển khai đào tạo trình độ thạc sĩ ngành TCNH. Đặc biệt, tại các tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Ninh Thuận – những địa phương có tiềm năng phát triển kinh tế cao – vẫn chưa có cơ sở giáo dục đại học nào đào tạo thạc sĩ chuyên ngành này. Do đó, việc Trường Đại học Nha Trang – với vai trò là trung tâm đào tạo uy tín của khu vực – đề xuất mở ngành đào tạo thạc sĩ TCNH là hoàn toàn hợp lý, đáp ứng đúng và trúng nhu cầu thực tế của xã hội. Đây là một bước đi chiến lược, vừa góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, vừa thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong giai đoạn tới

II.2. Xu hướng phát triển của ngành đào tạo

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, lĩnh vực tài chính – ngân hàng đang chứng kiến những thay đổi sâu rộng cả về mô hình hoạt động lẫn yêu cầu nguồn nhân lực. Các xu hướng như tài chính số (digital finance), công nghệ tài chính (fintech), quản trị rủi ro toàn diện, tài chính bền vững (sustainable finance) và phân tích dữ liệu lớn (big data analytics) ngày càng đóng vai trò trung tâm trong chiến lược phát triển của các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Đồng thời, yêu cầu về tuân thủ quy định quốc tế, ứng phó với biến động kinh tế toàn cầu, cũng như nhu cầu nâng cao khả năng hoạch định tài chính và quản trị doanh nghiệp đã và đang tạo ra nhu cầu rất lớn về đội ngũ nhân sự tài chính – ngân hàng có trình độ cao, am hiểu sâu sắc chuyên môn, linh hoạt thích ứng và thành thạo công nghệ. Trong bối cảnh đó, việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng tại Trường Đại học Nha Trang là hết sức cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước. Chương trình đào tạo sẽ tập trung phát triển năng lực phân tích, hoạch định chiến lược tài chính, quản lý rủi ro, ứng dụng công nghệ trong tài chính và thúc đẩy tư duy đổi mới sáng tạo, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành, đồng thời định hướng chuẩn đầu ra tiệm cận với các yêu cầu kỹ năng tài chính toàn cầu và nhu cầu nhân lực trong thời kỳ kinh tế số.

II.3. Chủ trương mở ngành đào tạo

Căn cứ vào nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, phù hợp với định hướng phát triển của Trường Đại học Nha Trang, Khoa Kế toán - Tài chính đã có Tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng. Trên cơ sở đó, Hiệu Trường và Hội đồng Trường đã xem xét và phê duyệt chủ trương mở ngành, làm cơ sở để xây dựng đề án mở ngành theo quy định hiện hành.

Chi tiết Tờ trình và văn bản phê duyệt được đính kèm tại Phụ lục 1, bao gồm:

- Nghị quyết 41/NQ-ĐHNT ngày 31/12/2024 của Trường Đại học Nha Trang về Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Tài chính - ngân hàng;
- Quyết định 213/QĐ-ĐHNT ngày 17/2/2025 của Trường Đại học Nha Trang về Thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ tài chính - ngân hàng.

II.4. Kết quả khảo sát về nhu cầu học tập trình độ thạc sĩ của ngành TCNH

Để xác định rõ hơn nhu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt tại Khoa KT-TC, Trường Đại học Nha Trang, hội đồng xây dựng đề án

mở ngành đã tiến hành hai đợt khảo sát trực tuyến thông qua công cụ Google Forms. Kết quả khảo sát sẽ được trình bày và phân tích chi tiết dưới đây.

Bảng II.1: Kết quả khảo sát nhu cầu của các đơn vị về nhân lực được đào tạo ở trình độ thạc sỹ TCNH trong thời gian tới

STT	Tên cơ quan khảo sát	Hình thức sở hữu	Nhu cầu nhân lực được đào tạo trình độ thạc sỹ TCNH		
			Có	Cần nhắc	Không
1	Công ty TNHH Đầu Tư Thủy Sản Newway	Doanh nghiệp tư nhân			X
2	ACB	Doanh nghiệp tư nhân	X		
3	Agribank TP Hà Tiên Kiên Giang	Doanh nghiệp Nhà nước	X		
4	OCB	Doanh nghiệp tư nhân	X		
5	VietinBank	Doanh nghiệp Nhà nước	X		
6	VIB	Doanh nghiệp tư nhân	X		
7	Vietcombank	Doanh nghiệp Nhà nước	X		
8	Công ty TNHH Kiểm Toán FAC	Doanh nghiệp tư nhân	X		
9	Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đông Á	Doanh nghiệp tư nhân		X	
10	Công ty TNHH Xây dựng công trình Đông Nguyễn	Doanh nghiệp tư nhân		X	
11	Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 4	Doanh nghiệp Nhà nước	X		
12	Công ty TNHH MTV Thủy sản Fishsan	Doanh nghiệp Nhà nước		X	
13	Công ty Yến Sào Khánh Hoà	Doanh nghiệp Nhà nước	X		
14	Viễn thông Khánh Hòa	Doanh nghiệp Nhà nước	X		
15	VIETTEL KHÁNH HÒA	Doanh nghiệp Nhà nước	X		

STT	Tên cơ quan khảo sát	Hình thức sở hữu	Nhu cầu nhân lực được đào tạo trình độ thạc sỹ TCNH		
			Có	Cần nhắc	Không
16	CN Công ty TNHH MTV kỳ nghỉ Đà Nẵng tại Nha Trang	Doanh nghiệp tư nhân		X	
17	Công ty CP Vĩnh Nha Trang	Doanh nghiệp tư nhân	X		
18	Công ty TNHH Du Lịch Xanh	Doanh nghiệp tư nhân			X
19	Công ty TNHH Hải Vương	Doanh nghiệp tư nhân	X		
20	Công ty TNHH MARISO VIET NAM	Doanh nghiệp tư nhân		X	
21	Công ty TNHH Mariso Việt Nam	Doanh nghiệp tư nhân	X		
22	Công ty TNHH thủy sản Bạc Liêu	Doanh nghiệp tư nhân	X		
23	Công ty TNHH Thủy Sản Hải Vương Group	Doanh nghiệp tư nhân	X		
24	Công ty TNHH thủy Sản Thông Thuận	Doanh nghiệp tư nhân	X		
25	Công ty TNHH Tín Thịnh	Doanh nghiệp tư nhân			X
26	Công ty TNHH Tư Vấn TK và XD Thành Phát	Doanh nghiệp tư nhân			X
27	Công ty TNHH Tường Nghi	Doanh nghiệp tư nhân			X
28	Công ty Vật liệu Xây dựng Nhà Việt	Doanh nghiệp tư nhân	X		
29	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Doanh nghiệp tư nhân	X		
30	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn PAN	Doanh nghiệp tư nhân	X		
31	CÔNG TY TNHH GUYOMARC'H VIỆT NAM	Doanh nghiệp tư nhân		X	
32	Bệnh viện Tâm thần TPCT	Đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp			X

STT	Tên cơ quan khảo sát	Hình thức sở hữu	Nhu cầu nhân lực được đào tạo trình độ thạc sỹ TCNH		
			Có	Cần nhắc	Không
33	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng	Đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp	X		
34	Công ty CP Cấp Thoát Nước Khánh Hòa	Doanh nghiệp Nhà nước	X		
35	Skypec	Doanh nghiệp Nhà nước	X		
36	Công ty CP ĐT XD TM Nam Hoà Phát	Doanh nghiệp tư nhân	X		
37	Công TY CP TV DV TÂM MINH PHAT	Doanh nghiệp tư nhân	X		
38	Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng Thiên Tân	Doanh nghiệp tư nhân			X
39	Công ty Phúc An Auto	Doanh nghiệp tư nhân			X
40	Công ty TNHH Bình Định FISHCO	Doanh nghiệp tư nhân	X		
41	Công ty TNHH Long Sinh	Doanh nghiệp tư nhân	X		
42	Công Ty TNHH Máy Văn Phòng Qtech	Doanh nghiệp tư nhân			X
43	Công ty TNHH Thịnh Đức Tiến	Doanh nghiệp tư nhân			X
44	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ ARITNT.COM	Doanh nghiệp tư nhân	X		
45	Công ty cổ phần du lịch Vietour	Doanh nghiệp tư nhân	X		
46	CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN THUẾ THÔNG MINH	Doanh nghiệp tư nhân	X		
47	Công ty TNHH Kiểm toán FAC	Doanh nghiệp tư nhân	X		

STT	Tên cơ quan khảo sát	Hình thức sở hữu	Nhu cầu nhân lực được đào tạo trình độ thạc sỹ TCNH		
			Có	Cần nhắc	Không
48	Công ty TNHH MTV New Horizon Việt Nam	Doanh nghiệp tư nhân		X	
49	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ	Cơ quan hành chính/sự nghiệp nhà nước			X
50	UBND xã Vĩnh Phương	Cơ quan hành chính/sự nghiệp nhà nước			X
51	Sacombank	Doanh nghiệp tư nhân	X		
52	TPB	Doanh nghiệp tư nhân	X		
53	MBB	Doanh nghiệp tư nhân	X		
54	NAB	Doanh nghiệp tư nhân	X		
55	Eximbank	Doanh nghiệp tư nhân	X		
56	MSB	Doanh nghiệp tư nhân	X		
57	BIDV	Doanh nghiệp Nhà nước	X		
58	Công ty chứng khoán SSI	Doanh nghiệp tư nhân	X		
59	Techcombank	Doanh nghiệp tư nhân	X		
60	Vietbank	Doanh nghiệp tư nhân	X		
61	VPbank	Doanh nghiệp tư nhân	X		
62	Đông Á Bank	Doanh nghiệp tư nhân	X		
63	Kiên Long Bank	Doanh nghiệp tư nhân	X		

STT	Tên cơ quan khảo sát	Hình thức sở hữu	Nhu cầu nhân lực được đào tạo trình độ thạc sỹ TCNH		
			Có	Cần nhắc	Không
64	Lộc Phát Bank	Doanh nghiệp tư nhân	X		
65	Đông Nam Á Bank	Doanh nghiệp tư nhân	X		
66	Trường mầm non Anh Đào	Cơ quan hành chính/sự nghiệp nhà nước			X
67	Siêu thị Mini Kent Mart	Doanh nghiệp tư nhân			X
68	Văn phòng công chứng Hoàng Long	Doanh nghiệp tư nhân			X

Nguồn: Kết quả khảo sát trực tuyến thông qua công cụ google forms

Kết quả khảo sát ở bảng 1.1 cho thấy, trong tổng số 68 đơn vị được khảo sát về nhân lực được đào tạo ở trình độ thạc sỹ TCNH trong thời gian tới thì có 46 đơn vị trả lời cần thiết (67,6%), 07 đơn vị trả lời đang cân nhắc (10,3%) và 15 đơn vị trả lời không (22,1%). Như vậy, qua khảo sát cho thấy nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ thạc sỹ ngành TCNH đáp ứng các công việc trong thời gian tới là rất lớn.

Kết quả khảo sát trình bày tại Bảng II.2 phản ánh nhu cầu học tập thực tế đối với chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Tài chính – Ngân hàng (TCNH) trong giai đoạn 2025–2030. Cụ thể, trong tổng số 100 người được hỏi, có đến 43% (tương ứng 43 người) xác nhận có nhu cầu học ngay và dự định đăng ký trong tương lai gần, trong khi 27% (27 người) đang cân nhắc khả năng theo học. Đáng chú ý, phần lớn người được khảo sát mong muốn thời gian đào tạo kéo dài khoảng 18 tháng (chiếm 68%), thể hiện nhu cầu học tập linh hoạt, phù hợp với người đã đi làm. Về thời gian học mong muốn, 71% ưu tiên các lớp tổ chức vào cuối tuần (thứ Bảy và Chủ nhật), trong khi 29% lựa chọn học vào buổi tối trong tuần. Động lực học tập chủ yếu đến từ mong muốn nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu vị trí công tác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thăng tiến hoặc tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp tốt hơn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

Trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu học tập của cá nhân và nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, có thể khẳng định rằng số lượng người có nhu cầu theo học là hoàn toàn đủ để mở lớp đào tạo thạc sỹ ngành TCNH tại Trường Đại học Nha Trang. Điều này cho thấy sự quan tâm lớn của lực lượng lao động đang công tác tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính – ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp và cơ quan nhà nước

trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh lân cận thuộc khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đối với việc nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực này.

Bảng II.2: Tổng hợp kết quả khảo sát về nhu cầu và kỳ vọng của người học đối với ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ Thạc sĩ tại trường Đại học Nha Trang

I. Nhu cầu học Thạc sĩ TCNH	Số lượng	Tỷ lệ
1. Có nhu cầu học ngay	43	43%
2. Đang cân nhắc	27	27%
3. Chưa có nhu cầu	30	30%
II. Lý do chính chọn học CTĐT Thạc sĩ TCNH		
1. Nâng cao trình độ chuyên môn	62	62%
2. Đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm	30	30%
3. Lý do khác	8	8%
III. Mảng kiến thức		
1. Các kĩ năng mềm để giải quyết công việc thực tế tại đơn vị công tác	62	62%
2. Kiến thức chuyên sâu về tài chính	38	38%
IV. Mong muốn thời gian đào tạo		
1. Tổng thời gian đào tạo 18 tháng	68	68%
2. Tổng thời gian đào tạo 24 tháng	32	32%
V. Thời gian tham gia lớp học		
1. Cuối tuần (tối thứ 6, thứ 7 và chủ nhật)	71	71%
2. Các buổi tối trong tuần	29	29%

Nguồn: Kết quả khảo sát trực tuyến thông qua công cụ google forms

II.5. Kết luận và lý do đề nghị mở ngành đào tạo

Dựa trên kết quả khảo sát và phân tích nhu cầu thực tiễn, có thể khẳng định rằng khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đang có nhu cầu cao về nguồn nhân lực chất lượng trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Đặc biệt, lực lượng lao động trình độ thạc sĩ có vai trò quan trọng trong việc hoạch định chính sách, tư vấn cho cơ quan quản lý nhà nước, cũng như tham gia giải quyết các vấn đề trong hoạt động sản xuất – kinh doanh, đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp với bối cảnh hội nhập và nền kinh tế mở cửa.

Hiện nay, khu vực này có hơn 10 trường đại học, song số lượng cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng vẫn còn rất hạn chế. Các tỉnh như Khánh Hòa,

ĐắcLắc, Lâm đồng, Gia Lai – vốn có tiềm năng phát triển kinh tế – vẫn chưa có trường đại học nào đào tạo trình độ sau đại học chuyên ngành này. Trong bối cảnh đó, việc Trường Đại học Nha Trang đề xuất mở ngành đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong khu vực.

Việc mở ngành này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường mà còn đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực tài chính – ngân hàng của cả khu vực, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội gắn với chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để Trường Đại học Nha Trang khẳng định vị thế trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Với bề dày kinh nghiệm đào tạo, đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, cơ sở vật chất hiện đại cùng hệ thống thư viện điện tử phong phú, Trường Đại học Nha Trang hoàn toàn đủ điều kiện để triển khai chương trình thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng. Đặc biệt, Khoa Kế toán – Tài chính của trường đã có nền tảng vững chắc trong đào tạo và nghiên cứu, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đào tạo sau đại học. Vì vậy, đề xuất mở ngành là bước đi có căn cứ vững chắc, phù hợp với xu hướng và đáp ứng sát thực nhu cầu phát triển của xã hội.

PHẦN III - ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH VÀ NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

III.1. Điều kiện mở ngành đào tạo

Trường Đại học Nha Trang đã Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng theo Nghị quyết 41/NQ-ĐHNT ngày 31/12/2024 và đã thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng theo Quyết định 213/QĐ-ĐHNT ngày 17/02/2025. Theo đó, các thành viên hội đồng xây dựng chương trình bao gồm:

Bảng III.1. Danh sách Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 213 /QĐ-ĐHNT, ngày 17 tháng 02 năm 2025)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức trách
1	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường	Khoa Kế toán - Tài chính	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa Kế toán - Tài chính	Thư ký
3	TS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Khoa Kế toán - Tài chính	Ủy viên
4	TS. Võ Văn Cần	Khoa Kế toán - Tài chính	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Thị Hiền	Khoa Kế toán - Tài chính	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn Huỳnh Minh Châu	Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) tại Nha Trang	Ủy viên

Đề án mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng xây dựng dựa trên các căn cứ sau:

- Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật 34/2018/QH14 bổ sung năm 2018;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Quyết định 981/QĐ-ĐHNT ngày 21/9/2021 của Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định đánh giá học phần;
- Quyết định 1287/QĐ-ĐHNT ngày 02/12/2021 của Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành mẫu Đề cương học phần;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT;
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Nghị quyết 38/NQ-ĐHNT ngày 15/9/2022 của Trường Đại học Nha Trang về Phê duyệt Phương hướng mở ngành đào tạo đến năm 2025;
- Quyết định số 173/QĐ-ĐHNT ngày 12/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định mở ngành và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang;
- Quyết định 820/QĐ-ĐHNT ngày 20/6/2024 của Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Hướng dẫn sử dụng các phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra.
- Nghị quyết 41/NQ-ĐHNT ngày 31/12/2024 của Trường Đại học Nha Trang về Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Tài chính - ngân hàng;
- Quyết định 213/QĐ-ĐHNT ngày 17/2/2025 của Trường Đại học Nha Trang về Thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ tài chính - ngân hàng.



Hình III.1: Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ đại học

Ngành Tài chính – Ngân hàng (mã ngành 7340201) đã được Trường Đại học Nha Trang triển khai đào tạo ở trình độ đại học theo Quyết định số 1140/QĐ-BGDĐT ngày 26/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình đào tạo đại học ngành này đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 999/QĐ-KĐCLGDTL, ngày 19/12/2024. Đây là một trong những điều kiện tiên quyết và bắt buộc để xem xét mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng, phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, Trường Đại học Nha Trang đã tiến hành rà soát, đánh giá và khẳng định đáp ứng đầy đủ các điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng. Cụ thể, Nhà trường đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Quyết định số 173/QĐ-ĐHNT ngày 12/02/2025 về Quy định mở ngành và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang. Đồng thời, đảm bảo các điều kiện được quy định tại Điều 9 (đối với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ) trong hệ thống quy định hiện hành.

III.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, trong đó làm rõ và khắc phục những điểm chưa rõ, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cơ sở đào tạo trong việc mở ngành,

Nhà trường đã tiến hành rà soát và xác định đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo yêu cầu mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng.

Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành được xây dựng dựa trên các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 7 và Điều 9 của Quyết định số 173/QĐ-ĐHNT ngày 12/02/2025 về quy định mở ngành và phát triển chương trình đào tạo; đồng thời đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định đối với mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT).

Cụ thể, người chủ trì ngành là PGS.TS. Nguyễn Thành Cường, Trưởng Khoa Kế toán - Tài chính, người có uy tín học thuật cao, có học vị và chức danh phù hợp, nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Bên cạnh đó là đội ngũ giảng viên cơ hữu có học vị tiến sĩ đứng chuyên ngành và ngành phù hợp, có kinh nghiệm tham gia đào tạo sau đại học và thành tích nghiên cứu khoa học phong phú, đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực cho việc xây dựng và triển khai chương trình đào tạo thạc sĩ. Chi tiết danh sách giảng viên cơ hữu tham gia mở ngành, giảng viên, nhà khoa học cơ hữu và thỉnh giảng tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo được trình bày tại bảng III.1, III.2 và III.3 sau đây.

Bảng III.2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Nguyễn Thành Cường, 1971, GVCC, Trưởng Khoa KTTC	PGS, 2024	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế tài chính - Ngân hàng	2015, Trường ĐH Nha Trang	04 đề tài; 05 sách tham khảo, trong đó đồng chủ biên 3 sách; 27 bài báo Quốc tế, trong đó có 13 bài báo quốc tế uy tín; 17 bài báo trong nước; 15 bài Hội thảo Quốc tế; 17 bài hội thảo Quốc gia
2	Nguyễn Hữu Mạnh, 1982, GVC, Trưởng Bộ môn TCNH		Tiến sĩ, Đài Loan, 2021	Tài chính – Ngân hàng	2022, Trường ĐH Nha Trang	02 đề tài, 6 bài báo quốc tế uy tín, 6 bài báo trong nước, 05 bài HTQT, 05 bài

						HTQG
3	Nguyễn Thị Bảo Ngọc, 1988, GV, Trưởng Bộ môn Kế toán		Tiến sĩ, Đà Loan, 2022	Tài chính- Ngân hàng	2023, Trường ĐH Nha Trang	01 đề tài, 07 bài báo quốc tế, trong đó có 05 bài báo quốc tế uy tín.
4	Võ Văn Cần, 1974, GVC, Bộ môn TCNH		Tiến sĩ, Na Uy, 2013	Quản trị kinh doanh	2013, Trường ĐH Nha Trang	01 đề tài NCKH, Chủ biên 01 Tài liệu tham khảo, 12 bài báo, trong đó có 02 bài báo quốc tế uy tín.
5	Nguyễn Thị Hiên, 1970, GVC, Bộ môn TCNH		Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Kinh tế	2005, Trường ĐH Nha Trang	4 đề tài, 1 sách, 34 bài báo

Với cơ sở pháp lý rõ ràng theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quyết định số 173/QĐ-ĐHNT ngày 12/02/2025 về đội ngũ giảng viên, cùng với việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại khoản 1 Điều 9 đối với mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, Trường Đại học Nha Trang hoàn toàn đủ điều kiện và năng lực triển khai đào tạo ngành thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng.

Bảng III.3: Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia trong chương trình đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Nguyễn Thành Cường, 1971, GVCC, Trưởng Khoa KTTC	PGS, 2024	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế tài chính - Ngân hàng	2015, Trường ĐH Nha Trang	04 đề tài; 05 sách tham khảo, trong đó đồng chủ biên 3 sách; 27 bài báo Quốc tế, trong đó có 13 bài báo quốc tế uy tín; 17 bài báo trong nước; 15 bài Hội thảo Quốc tế; 17 bài hội thảo Quốc gia

2	Nguyễn Hữu Mạnh, 1982, GVC, Trưởng Bộ môn TCNH		Tiến sĩ, Đà Loan, 2021	Tài chính – Ngân hàng	2022, Trường ĐH Nha Trang	02 đề tài, 6 bài báo quốc tế uy tín, 6 bài báo trong nước, 05 bài HTQT, 05 bài HTQG
3	Nguyễn Thị Bảo Ngọc, 1988, GV, Trưởng Bộ môn Kế toán		Tiến sĩ, Đà Loan, 2022	Tài chính- Ngân hàng	2023, Trường ĐH Nha Trang	01 đề tài, 07 bài báo quốc tế, trong đó có 05 bài báo quốc tế uy tín.
4	Võ Văn Cần, 1974, GVC, Bộ môn TCNH		Tiến sĩ, Na Uy, 2013	Quản trị kinh doanh	2013, Trường ĐH Nha Trang	01 đề tài NCKH, Chủ biên 01 Tài liệu tham khảo, 12 bài báo, trong đó có 02 bài báo quốc tế uy tín.
5	Nguyễn Thị Hiền, 1970, GVC, Bộ môn TCNH		Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Kinh tế	2005, Trường ĐH Nha Trang	4 đề tài, 1 sách, 34 bài báo
6	Nguyễn Văn Hương, 1978, GVC, Phó Trưởng Khoa KTTT		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kế toán	2022, Trường ĐH Nha Trang	01 đề tài KHCN Cấp trường; 06 bài báo trong nước; 03 báo cáo ở hội thảo quốc tế; 06 bài báo cáo ở Hội thảo Quốc gia.
7	Võ Thị Thùy Trang, 1974, GV, Bộ môn Kế toán		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kế toán	2022, Trường ĐH Nha Trang	05 bài báo trong nước, 03 báo cáo hội thảo quốc tế, và 03 bài báo quốc tế có uy tín; cộng tác viên 2 đề tài nghiên cứu cấp Bộ
8	Nguyễn Bích Hương Thảo, 1979, GVC, Bộ môn Kế toán		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kế toán	2018, Trường ĐH Nha Trang	01 đề tài; 08 bài báo trong nước; 01 báo cáo hội thảo quốc tế; 05 bài hội thảo quốc gia.

9	Nguyễn Tuấn, 1977, GVC, Trưởng Bộ môn Kiểm toán		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kế toán	2017, Trường ĐH Nha Trang	01 đề tài, 27 bài báo/báo cáo, trong đó có 01 bài báo quốc tế uy tín.
10	Phạm Đình Tuấn, 1986, GV, Bộ môn Kiểm toán		Tiến sĩ, Việt Nam, 2025	Kế toán	2025, Trường ĐH Nha Trang	01 đề tài, 11 bài báo trong và ngoài nước, 02 bài Hội thảo quốc tế, 03 bài Hội thảo quốc gia
11	Phạm Thế Anh, 1978, GV, Trưởng Bộ môn QTKD		Tiến sĩ, Việt Nam	Kinh tế phát triển, Kinh tế và quản trị nguồn nhân lực	2021, Trường ĐH Nha Trang	02 đề tài, 02 sách, 18 bài báo (trong đó có 1 bài quốc tế uy tín)
12	Hồ Huy Tựu, 1971, GVCC, nguyên Trưởng Khoa Kinh tế	PGS, 2018	Tiến sĩ, Na Uy, 2011	Marketing	2011, Trường ĐH Nha Trang	05 đề tài, 03 sách, 50 bài báo, trong đó có 26 bài báo quốc tế uy tín.
13	Nguyễn Văn Ngọc, 1970, GVC, Trưởng Bộ môn Quản lý Kinh tế		Tiến sĩ, LB Nga, 2000	Kinh tế và quản lý kinh tế	2005, Trường ĐH Nha Trang	02 đề tài, 04 sách, 40 bài báo, trong đó có 01 bài báo quốc tế.
14	Nguyễn Hữu Tâm, 1978, GVC, Trưởng Bộ môn Triết học		Tiến sĩ, Việt Nam	Triết học	2018, Trường Đại học Nha Trang	01 đề tài 3 sách 5 bài báo trên tạp chí HĐCDGS

Bảng III.4: Danh sách giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia trong chương trình đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh, năm QĐ	Học vị, nước, năm tốt nghệp	Ngành, Chuyên ngành đào tạo	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSDT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Ghi chú
1	Nguyễn Hồng Thắng, 1966,	PGS, 2010	Tiến sĩ, VN,	Tài chính- Ngân hàng	Từ 2005, Đại học Kinh tế	8 đề tài NCKH (1 cấp	Đại học Kinh tế

	GVCC, Giám đốc chương trình, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước - UEH		2001		Tp HCM (UEH)	nhà nước, 4 cấp bộ, 1 cấp Tỉnh, 2 cấp Trường), 22 bài báo trong nước, 4 bài quốc tế, 2 chuyên khảo, 3 giáo trình	Tp HCM (UEH)
2	Diệp Gia Luật, 1972, GVCC, Trưởng khoa Tài chính Công, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước - UEH	PGS, 2016	Tiến sĩ 2007	Tài chính – Ngân hàng	Từ 2009, Trường đại học kinh tế Tp. HCM	17 đề tài NCKH các cấp; Tác giả chính và thành viên 27 bài công bố trong nước, 5 bài công bố quốc tế; chủ biên và thành viên 10 Sách tham khảo, giáo trình, sách chuyên khảo	Đại học Kinh tế Tp. HCM (UEH)
3	Nguyễn Anh Phong, 1977, GVCC, Trưởng Khoa Tài chính- Ngân hàng	PGS, 2019	Tiến sĩ 2015	Tài chính – Ngân hàng	Từ 2007, Trường đại học Kinh tế- Luật, ĐH Quốc Gia TPHCM	Chủ nhiệm 3 đề tài cấp ĐHQG, 1 đề tài cấp TPHCM, 20 bài báo trong nước, 20 bài báo quốc tế, chủ biên 2 giáo trình	Đại học Kinh tế- Luật
4	Phạm Thị Bích Duyên, 1983, Trưởng khoa	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Tài chính – Ngân hàng	Từ 2020, Trường ĐH Quy Nhơn	04 đề tài NCKH các cấp, 14 bài báo trong nước, 8 bài báo quốc tế, 2 giáo trình	Trường ĐH Quy Nhơn

5	Nguyễn Thị Hạnh, 1976, GV, Trưởng khoa Kinh tế-Tài chính		Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Tài chính-Ngân hàng	Năm 2017, Trường Đại học Duy Tân	01 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp cơ sở, 06 bài báo chuyên ngành	Trường Kinh tế và Kinh doanh; Đại học Duy Tân
6	Vương Thị Hương Giang, 1991, GV		Tiến sĩ, Đài Loan, 2021	Tài chính	Từ 2022, Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	Chủ nhiệm 03 Đề tài NCKH cấp cơ sở; Chủ nhiệm 01 Đề tài cấp Bộ. Công bố 14 bài báo trên Tạp chí Quốc tế uy tín (ISI/SCOPUS) và 15 bài báo trên Tạp trí trong nước; Tham gia biên soạn 01 Giáo trình và 01 Tài liệu tham khảo.	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
7	Phan Thanh Hải, 1981, GVCC, Hiệu trưởng	PGS, 2019	Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Kinh doanh và quản lý	Từ 2016, ĐH Duy Tân	11 đề tài NCKH các cấp, 17 sách và giáo trình, 51 bài ISI & SCOPUS, >120 bài báo ngành, HTQT, HTQG và None ISI, SCOPUS	Trường Kinh tế & Kinh doanh, ĐH Duy Tân
8	Đoàn Ngọc Phi Anh, 1973, GVCC, Phó Hiệu Trưởng	PGS, 2016	Tiến sĩ, 2012, Úc	Kế toán	Từ 2012, Trường đại học Kinh tế, ĐH Đà Nẵng	6 đề tài NCKH các cấp, 18 bài báo trong nước, 9 bài quốc tế, 1 giáo trình	Đại học Kinh tế Đà Nẵng

9	Nguyễn Ngọc Anh, 1971, GVC, Trường Khoa		Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Kinh tế Công nghiệp	Từ 2016, Trường đại học Kinh tế, ĐH Đà Nẵng	4 đề tài NCKH các cấp, 16 bài báo trong nước, 1 bài quốc tế, 1 giáo trình	Đại học Kinh tế Đà Nẵng
10	Hoàng Dương Việt Anh, 1984, GVCC	PGS, 2024	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Kinh tế, Quản lý Kinh tế	Từ 2016, Trường đại học Kinh tế, ĐH Đà Nẵng	Chủ nhiệm 4 đề tài NCKH (01 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, 02 đề tài nghiên cứu cấp Bộ, 01 đề tài nghiên cứu cấp Trường), 60 công bố khoa học (14 bài báo trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục WoS/Scopus, 01 bài báo thuộc danh mục ACI, 42 bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước, 03 bài viết trong kỷ yếu hội thảo), 01 sách tham khảo.	Đại học Kinh tế Đà Nẵng

Bảng III.5: Danh sách cán bộ quản lý phụ trách đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành
1	PGS.TS. Đặng Xuân Phương, 1975, Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học	Tiến sĩ, 2011	Kỹ thuật cơ khí
2	PGS.TS. Nguyễn Văn Minh, 1977, Phó trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học	Tiến sĩ, 2011	Khoa học thực phẩm
3	Đặng Văn Tiên, 1982, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học	Thạc sĩ	Quản kinh doanh
4	Trần Thị Thu, 1980, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học	Thạc sĩ	Quản kinh doanh
6	Hoàng Hà Giang, 1990, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học	Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
6	Vũ Lê Quyên, 1980, Chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học	Thạc sĩ	Công nghệ CB thủy sản

III.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

III.3.1. Phòng học và trang thiết bị phục vụ giảng dạy

Phòng học được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị dạy và học (âm thanh, chiếu sáng, máy chiếu, bảng viết, thông gió) đạt tiêu chuẩn và đảm bảo đủ chỗ ngồi cho người học.

Bảng III.6: Danh mục phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm và các CSVC khác

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	155	11005		

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	1658	Thường phục vụ các học phần đại cương	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	22	3096	Thường phục vụ các học phần đại cương	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	89	5493	Tất cả các học phần	Tất cả các học kỳ
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	21	518		
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0	Tất cả các môn học lý thuyết và đào tạo từ xa, học online	Tất cả các học kỳ
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	20	240	Làm việc của giảng viên, và hướng dẫn đồ án	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	4887	Phục vụ toàn bộ sinh viên	Tất cả các học kỳ
3	Phòng thực hành, thực tập, luyện tập	02	200	Phục vụ các học phần: đầu tư tài chính, tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính, tài chính tiền tệ, thị trường chứng khoán, quản trị ngân hàng thương mại, nghiệp vụ ngân hàng thương mại, thanh toán quốc tế, tài chính quốc tế	Theo chương trình đào tạo

III.3.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Khoa Kế toán – Tài chính được trường đại học Nha Trang chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, đặc biệt là các phòng thực hành với quy mô và công nghệ hiện đại, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên và học viên cao học.

Bảng III.7: Danh sách các phòng thực hành hiện Khoa Kế toán – Tài chính đang sử dụng

TT	Phòng thí nghiệm/thực hành	Số lượng	Diện tích (m ²)	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng thực hành giao dịch chứng khoán ảo	01	100	Các học phần như đầu tư tài chính, tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính, tài chính tiền tệ, thị trường chứng khoán
2	Phòng thực hành Corebanking NTU	01	100	Các học phần quản trị ngân hàng thương mại, nghiệp vụ ngân hàng thương mại, thanh toán quốc tế, tài chính quốc tế.
3	Phòng thực hành kế toán mô phỏng	01	100	Đã được phê duyệt đầu tư, đang trong quá trình tiến hành các thủ tục đấu thầu và tổ chức thực hiện.

III.3.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

a) Thư viện và nguồn tài liệu

Thư viện nhà trường được trang bị hệ thống cơ sở dữ liệu hiện đại, có đủ giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, sách nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực ngành đào tạo. Thư viện cho phép truy cập cả tài nguyên truyền thống và tài nguyên số, hỗ trợ người học và giảng viên tiếp cận dễ dàng với các nguồn học liệu chất lượng.

- Tổng diện tích thư viện: 10.000 m², trong đó diện tích phòng đọc: 4.000 m²
- Số chỗ ngồi: 1000
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 04
- Phần mềm quản lý thư viện: KIPOS
- Thư viện điện tử và thư viện số tra cứu thư viện thông qua internet.
- Thư viện kết nối hệ thống thư viện các trường đại học phía nam (VILASAL)
- Nguồn tài liệu số: 185614 (tên tài liệu) trong đó gồm: 155231 bài báo tạp chí, 8602 sách tiếng Việt, 12455 sách ngoại văn, 1111 giáo trình - bài giảng, 7638 luận văn - luận án - khóa luận và các tài liệu khác.
- Nguồn tài liệu in: 22979 (tên tài liệu) trong đó có sách, luận văn, luận án.

b) Danh mục sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ ngành đào tạo có tại Thư viện

Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo và tạp chí khoa học phục vụ cho ngành đào tạo dự kiến mở đã được xây dựng đầy đủ, bảo đảm phù hợp với chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra. Các tài liệu này có nguồn gốc rõ ràng, cập nhật và phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Bảng III.8: Danh mục sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ ngành đào tạo

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
1	Giáo trình Triết học	Bộ giáo dục và đào tạo	Hà Nội: Nxb Lý luận chính trị	2007	5	Triết học / <i>Philosophy</i>
	Giáo trình Triết học	Nguyễn Văn Tài & Nguyễn Văn Sinh	Hà Nội : Nxb Đại học Sư Phạm	2019	5	
2	Cambridge Academic English Intermediate	Craig Thaine	Cambridge University Press	2012	5	Tiếng Anh học thuật 1/ <i>Academic English 1</i>
	Cambridge Academic English Upper-Intermediate	Craig Thaine	Cambridge University Press	2014	5	
3	Cambridge Academic English Intermediate	Craig Thaine	Cambridge University Press	2012	5	Tiếng Anh học thuật 2/ <i>Academic English 2</i>
	Cambridge Academic English Upper-intermediate	Craig Thaine	University Press	2012	5	
	Academic Writing	Alice Oshima Ann Hogue	Longman	2019	5	
4	Best practice in corporate governance: building reputation and sustainable	Adrian Davies.	Aldershot, Hants, England; Gower	2006	2	Khoa học quản lý / <i>Scientific Management</i>

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
	success					
	Cases in corporate governance	Robert Wearing	London ; SAGE	2005	2	
5	Phương pháp luận NCKH kinh tế và quản trị	Nguyễn Thị Cành	NXB Đại Học quốc Gia TP.HCM	2015	5	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính – Ngân hàng / <i>Research Methods in Finance and Banking</i>
	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Nguyễn Đình Thọ	Hà Nội : Nxb Tài chính	2014	3	
	Business research methods : an applied orientation	S. Sreejesh, Sanjay Mohapatra, M. R. Anusree	Cham: Springer	2014	2	
	Business research methods	Donald R. Cooper, Pamela S. Schindler	New York, NY: McGraw-Hill/Irwin	2014	2	
	Research Methodology and Scientific Writing	C. George Thomas	Springer Nature	2021	2	
6	Project Management Institute	A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guide)	Project Management Institute	2017	2	Quản lý dự án/ <i>Project Management</i>
	Từ Quang Phương	Giáo trình Quản lý dự án	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	2012	2	
	Eric Verzuh	MBA trong tầm tay: Chủ đề Quản lý	NXB Tổng hợp TPHCM	2010	2	

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
		dự án (sách dịch)				
	Project Management Institute	The Standard for Risk Management in Portfolios, Programs, and Projects	Project Management Institute	2019	2	
	Project Management Institute	The Practice Standard for Project Estimating - Second Edition	Project Management Institute	2019	2	
	Meliha Handzic, Antonio Bassi	Knowledge and Project Management: A Shared Approach to Improve Performance	Springer	2017	2	
	Paul C.Dinsmore, Jeannette Cabanis-Brewin	The AMA handbook of project management	New York: American Management Association	2011	1	
	Project Management Institute	A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guide)	Project Management Institute	2017	1	
	Từ Quang Phương	Giáo trình Quản lý dự án	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	2012	1	
	Eric Verzuh	MBA trong tầm tay: Chủ đề Quản lý dự án (sách	NXB Tổng hợp TPHCM	2010	1	

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
		dịch)				
7	Efraim Turban , Jon Outland, David King, Jae Kyu Lee, Ting-Peng Liang, Deborah C. Turban	Electronic Commerce: A Managerial and Social Networks Perspective	Springer	2018	1	Thương mại điện tử/ <i>E-Commerce</i>
	Trần Văn Hòe	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	ĐH Kinh tế quốc dân	2007	1	
	Kenneth Laudon, Carol Traver E-Commerce 2021- 2022 Business, Technology and Society, Global Edit	E-Commerce 2021- 2022 Business, Technology and Society, Global Edition	Pearson	2021	1	
	Hoàng Thị Phương Thảo	Thương mại điện tử	Lao động	2016	1	
	Nguyễn Văn Hùng (chủ biên)	Giáo trình Thương Mại điện tử	Nhà xuất bản Tài Chính	2019	1	
	Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam	Báo cáo Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam	Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VECOM)	2024	1	
8	Critical thinking: A students introduction (6 th)	Gregory Bassham William Irwin Henry Nardone James M. Wallace	Mc Graw Hill	2018	1	Tư duy phản biện và tư duy sáng / <i>Critical and Creative Thinking</i>

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
	Critical Thinking Skills: Developing Effective Analysis and Argument	Stella Cottrell	Palgrave Macmillan	2005	1	
	Critical thinking: Concepts and Tools Bản dịch tiếng Việt: Tư duy phản biện: Khái niệm và công cụ	Richard Paul, Linda Elder	NXB tổng hợp Tp Hồ Chí Minh	2015	1	
	Critical and Creative Thinking	Debra L. Welkly and Jr. Santos Torres	Cognella Academic Publishing	2015	1	
9	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	Frederich S. Mishkin	NXB Khoa học & Kỹ thuật	2016	2	Chuyên đề ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ / <i>Topics in Central Banking and Monetary Policy</i>
	Central Banking & Monetary Policy: An Introduction	A.P. Faure	Bookboon Publisher	2015	2	
	Central Bank Capitalism: Monetary Policy in Times of Crisis	Joscha Wullweber	Stanford University Press	2024	2	
10	Tài chính vi mô: Phát triển - Hiệu	Hà Văn Dương	NXB Kinh Tế TP.HCM	2019	10	Chuyên đề Tài chính toàn diện và phát triển

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
	qua - Bền vững.					bền vững / <i>Topics in Financial Inclusion and Sustainable Development</i>
	The economics of microfinance	Armendariz, B., and Morduch, J.	2nd Edition. The MIT Press. ISBN: 978-0262513982	2010	1	
	Handbook of Environmental and Green Finance	Sabri Boubaker & Thai Ha Le	World Scientific Publishing Company	2024	Online	
	Corporate Green Bonds and the Cost of Capital	Wenling Li and John V. Duca	World Scientific Publishing Company	2024	1	
11	Tài chính công và phân tích chính sách thuế	Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài	Hà Nội : Nxb Lao động	2020	5	Chuyên đề về tài chính công / <i>Topics in Public Finance</i>
	Tài chính công	Nguyễn Thị Cảnh & các tác giả	Tp.HCM : Nxb. Đại học Quốc gia Tp.HCM	Tái bản 2019	5	
	Public finance	Laurence S. Seidman	Boston : McGraw-Hill/Irwin	2009	1	
	Public finance and public policy	Jonathan Gruber.	New York : Worth Publishers	2013	1	
12	Đầu tư tài chính	Bodie – Kane – Marcus (Nhóm tác giả dịch: Trần Thị Hải Lý, Vũ Việt Quảng, Phùng Đức Nam, Lê Thị Phương Vy, Lương Thị Thảo)	Nxb Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2021	5	Chuyên đề đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư / <i>Topics in Financial Investment and Portfolio Management</i>

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
	Investment Analysis and Portfolio Management	Frank Reilly and Keith Brown	Cengage Learning Publishers	2011	2	
	Giáo trình quản lý danh mục đầu tư	Hoàng Văn Quỳnh, Cao Minh Tiến	Nxb Tài chính	2017	5	
13	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	Phạm Quang Trung (chủ biên) và các tác giả khác	Hà Nội : Nxb ĐH kinh tế quốc dân	2011	5	Chuyên đề về Quản trị tài chính / <i>Topics in Financial Management</i>
	Giáo trình Quản trị tài chính	Nguyễn Quốc Khánh, Chu Hoàng Hà	Hà Nội : Thế giới	2012	1	
	Fundamentas of corporate finance	Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield, Bradford D. Jordan.	New York, NY: McGraw-Hill/Irwin	2013	1	
	Fundamentas of corporate finance	Richard A. Brealey, Stewart C. Myers, Alan J. Marcus.	New York : McGraw-Hill/Irwin	2012	1	
14	Giáo trình Ngân hàng thương mại	Trần Thị Xuân Hương, Hoàng Thị Minh Ngọc cùng các tác giả	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM	2020	1	Chuyên đề Quản trị ngân hàng thương mại / <i>Topics in Commercial Bank Management</i>
	Risk Management and Financial Institutions	John C. Hull	Wiley	2023	1	
	Bank	Peter S. Rose	McGraw Hill	2012	1	

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
	Management & Financial Services	và Sylvia C. Hudgins				
15	Risk management in Banking	Bessis, J.	4 th Edition: NXB Wiley	2015	1	Chuyên đề về Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại / <i>Topics in Commercial Bank Management</i>
	Management of Banking,	MacDonald, S. S, Koch, T. W.	8 th Edition: NXB Cengage.	2014	1	
	Risk Management and Financial Institutions	John C. Hull	Wiley	2023	1	
16	International Financial Management	Jeff Madura	Thomson Publishing, 13th edition.	2018	1	Tài chính quốc tế nâng cao / <i>Advanced International Finance</i>
	Tài chính quốc tế hiện đại	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	2013	6	
	Tài chính quốc tế	Trần Ngọc Thơ	NXB Kinh tế	2012	6	
17	Tài chính hành vi : Tâm lý học, Đưa ra quyết định và Thị trường	Lucy F. Ackert & Richard Deaves (Lê Đạt Chí & Ctg dịch)	NXB Kinh tế	2013	2	Tài chính hành vi nâng cao/ <i>Advanced Behavioral Finance</i>
	Behavioral Finance and Wealth Management : How to Build Investment Strategies That Account for Investor Biases	Michael M. Pompian	Wiley Publisher	2012	1	

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
18	Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Văn Thuận	NXB Thống kê	2012	6	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao / <i>Advanced Financial Risk Management</i>
	An introduction to derivatives and risk management, 9 th edition,	Chance, D. and Brooks, R.,	South-Western Cengage Learning	2013	1	
	Quantitative financial risk management,	Miller, M. B. (2019),	John Wiley & Sons, Inc., Hoboken, New Jersey.		1	
19	The Practitioner's Guide to Investment Banking Mergers & Acquisitions Corporate Finance, Scoopbooks.	Jerilyn J. Castillo and Peter J. McAniff,	Circinus Business Press	2007	1	Ngân hàng đầu tư nâng cao / <i>Advanced Investment Banking</i>
	Investment Valuation: Tools and Techniques for Determining the Value of Any Asset	Aswath Damodaran	John Wiley & Sons	2012	1	
	Investment Banking: Valuation, Leveraged Buyouts, and Mergers and Acquisitions	Joshua Rosenbaum & Joshua Pearl	John Wiley & Sons	2020	1	
20	Phân tích báo cáo tài chính (Lý	Phan Đức Dũng	NXB Thống kê	2011	6	Phân tích tài chính nâng cao / <i>Advanced</i>

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
	thuyết và bài tập)					<i>Financial Analysis</i>
	Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Ngọc Quang	NXB Tài chính	2011	6	
	Phân tích tài chính	Nguyễn Ngọc Trang (CB) và Ctg	NXB Lao động xã hội	2007	6	
21	Investments: Analysis and Management	Gerald R. Jensen & Charles P. Jones	Wiley	2019	2	Phân tích đầu tư chứng khoán nâng cao / <i>Advanced Securities Investment Analysis</i>
	Investment Analysis and Portfolio Management	Frank Reilly, Keith Brown cùng các tác giả	Cengage Learning	2024	2	
	Đầu tư tài chính	Bodie – Kane – Marcus (Nhóm tác giả dịch: Trần Thị Hải Lý, Vũ Việt Quảng, Phùng Đức Nam, Lê Thị Phương Vy, Lương Thị Thảo)	Nxb Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2021	2	
22	The economics of microfinance	Armendariz, B., & Morduch, J.	The MIT Press	2010	1	Tài chính vi mô nâng cao/ <i>Advanced Microfinance</i>
	Tài Chính Vi Mô - Phát triển - Hiệu quả - Bền vững	Hà Văn dương	Nhà Xuất Bản Kinh tế TP.HCM	2019	1	
23	Tax Policy Handbook	Parthasarathi Shome	International Monetary Fund	2005	1	Phân tích chính sách thuế nâng

Số TT	Tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tài liệu
	Advanced Analytics for Better Tax Administration	OECD	OECD Publishing	2016	1	cao / <i>Advanced Tax Policy Analysis</i>
24	Advances in Asset Management : Strategies, Technologies	Joe Amadi-Echendu	CreateSpace	2012	1	Quản lý tài sản trong kỷ nguyên số nâng cao / <i>Advanced Asset Management in the Digital Era</i>
	Digital Asset Management	David Austerberry	Taylor & Francis	2004	1	
25	The Fundamentals of Digital Currency	Yun Wu & Wei Zhu	Springer Singapore	2024	1	Tiền kỹ thuật số và Ngân hàng số nâng cao / <i>Advanced Digital Currency and Digital Banking</i>
	Digital Bank: Strategies to Launch or Become a Digital Bank	Chris skinner	Marshall Cavendish International (Asia) Pte Ltd, Singapore M	2014	1	
	The Digital Banking Revolution (3rd edition)	Luigi Wewege and Michael C. Thomsett	Walter de Gruyter Inc., Boston	2017	1	
	Digital Currencies and the New Global Financial System	Ranjan Aneja & Robert Dygas	Routledge (Taylor & Francis)	2022	1	

c) Danh mục tạp chí của ngành đào tạo

Bảng III.9: Danh mục tạp chí của ngành đào tạo

Tên tạp chí trong nước	Nhà xuất bản
------------------------	--------------

1	Các tạp chí chuyên ngành Tài chính; Tạp chí Kinh tế và kinh doanh.	Trong danh mục quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước
Các tạp chí ngoài nước		Tên tổ chức
1	Tạp chí chuyên ngành quản trị, kinh tế Tài chính, ngân hàng.	Các trường Đại học trên thế giới
2	Tạp chí chuyên ngành quản trị, kinh tế Tài chính, ngân hàng.	Trong danh mục quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước

Nhìn chung, cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo phục vụ đào tạo ngành dự kiến mở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quyết định số 173/QĐ-ĐHNT ngày 12/02/2025 về quy định mở ngành và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang.

III.4. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

III.4.1. Đơn vị chuyên môn cấp Khoa

Khoa Kế toán - Tài chính, Trường đại học Nha Trang là đơn vị chuyên môn cấp khoa để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở;

Nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng khi CTĐT đã được ban hành. Ban chủ nhiệm CTĐT có trách nhiệm tổ chức phát triển CTĐT bao gồm: xây dựng, đánh giá, cập nhật và giám sát thực hiện CTĐT.

III.4.2. Phân công quản lý chuyên môn và quản lý đào tạo

Khoa Kế toán - Tài chính phối hợp với Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo chịu trách nhiệm phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

Trưởng khoa Kế toán - Tài chính chủ trì việc phân công bộ môn quản lý học phần trên cơ sở tham vấn chuyên môn của Ban chủ nhiệm CTĐT và các bộ môn có liên quan, trình Hiệu trưởng ban hành quyết định phân công quản lý học phần qua Phòng Đào tạo Sau đại học.

III.4.3. Phân công phụ trách học phần

Trưởng bộ môn quản lý học phần làm việc với bộ môn và giảng viên liên quan trong và ngoài khoa/viện, bộ môn để thống nhất đề nghị với trưởng khoa phân công giảng viên phụ trách học phần, trong đó giới thiệu giảng viên làm chủ nhiệm học phần. Trưởng khoa rà soát, điều chỉnh và phản hồi nếu cần thiết, gửi đề nghị đến Hiệu trưởng qua Phòng Đào tạo Sau đại học xem xét phê duyệt.

III.4.4. Giám sát, đo lường mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của CTĐT, điều chỉnh chương trình đào tạo và học phần

Dựa trên kế hoạch hoặc sự phân công của Nhà trường, Trưởng khoa chỉ đạo Ban chủ nhiệm CTĐT thực hiện việc phân tích dữ liệu đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

CTĐT được giám sát bởi Ban chủ nhiệm CTĐT; học phần được giám sát bởi chủ nhiệm học phần; Chủ nhiệm CTĐT báo cáo Trưởng khoa khi có vấn đề bất cập cần phải điều chỉnh hoặc cải tiến trong quá trình vận hành CTĐT; Chủ nhiệm học phần báo cáo Trưởng Bộ môn quản lý học phần khi có vấn đề bất cập cần phải điều chỉnh hoặc cải tiến, cập nhật chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá học phần.

CTĐT được xem xét điều chỉnh nếu phát hiện những bất cập qua quá trình giám sát hàng năm, qua đề nghị hợp lý của Ban chủ nhiệm CTĐT và/hoặc các bên liên quan hoặc có sự thay đổi theo quy định của Nhà nước.

Đề cương học phần và Đề cương chi tiết học phần được xem xét điều chỉnh nếu phát hiện những bất cập qua giám sát từng học kỳ hoặc có đề nghị hợp lý của Chủ nhiệm học phần, Trưởng bộ môn quản lý học phần và/hoặc các bên liên quan.

Phòng Đào tạo Sau đại học xây dựng quy trình và hướng dẫn Khoa, Bộ môn, Ban chủ nhiệm CTĐT và chủ nhiệm học phần tổ chức giám sát quá trình đào tạo, đo lường mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của CTĐT, điều chỉnh CTĐT và học phần.

III.4.5. Khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến theo quy định của thông tư mở ngành và chuẩn cơ sở giáo dục đại học

Nhà trường có hệ thống CLMS (hệ thống E-Learning) đang triển khai một cách hiệu quả trong 5 năm vừa qua. CTĐT thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng là CTĐT đào tạo khối kinh tế, đội ngũ giảng viên có năng lực về công nghệ thông tin, có kỹ năng chuyển đổi số và có khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến khi có yêu cầu. Phương pháp giảng dạy bằng hình thức kết hợp (blended learning được chú trọng áp dụng trong quá trình đào tạo), đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 22/3/2024 ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

III.5. Hoạt động nghiên cứu khoa học

III.5.1. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu tham gia xây dựng đề án mở ngành thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Bảng III.10: Công trình tiêu biểu trong 5 năm gần đây của các giảng viên trong hội đồng xây dựng đề án mở ngành Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

TT	Tên công trình	Tháng/ năm công bố	Loại tạp chí
I	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường		

TT	Tên công trình	Tháng/ năm công bố	Loại tạp chí
1	Bay Nguyen Van, Hai Phan Thanh and Cuong Nguyen Thanh (2025). Business growth and management costs as moderators of the inventory-performance link: Evidence from Vietnamese manufacturing firms. <i>Investment Management and Financial Innovations</i> , 22(3), 108-125. doi:10.21511/imfi.22(3).2025.09	07/2025	SCOPUS Q3
2	Cuong Nguyen Thanh & Tam Phan Huy (2025). Predicting financial reports fraud by machine learning: the proxy of auditor opinions. <i>Cogent Business & Management</i> , 12(1), 2510556. https://doi.org/10.1080/23311975.2025.2510556	06/2025	ESCI; SCOPUS Q2
3	Phu Nguyen Huu, Ha Nguyen Thi Thanh, Cuong Nguyen Thanh , Yen Ho Thi Phi (2025). Factors Affecting Earnings Management and Its Impact on Firm Value: The Case of Manufacturing Enterprises Listed on Vietnam Stock Exchange. <i>WSEAS TRANSACTIONS on BUSINESS and ECONOMICS</i> . Volume 22, 2025. pp: 1071-1085. DOI: 10.37394/23207.2025.22.88	05/2025	SCOPUS, Q4
4	Cuong Nguyen Thanh , Tam Phan Huy, Tuyet Pham Hong & An Bui Nguyen Quoc (2025). Credit risk prediction with corruption perception index: machine learning approaches, <i>Cogent Business & Management</i> , 12:1, 2461731, DOI: 10.1080/23311975.2025.2461731	01/2025	ESCI; SCOPUS, Q2
5	Cuong Nguyen Thanh , Huy, T. P., & Nhat, A. N. (2024). Investor sentiments and Fama-French five-factor in Vietnam market. <i>International Journal of Revenue Management</i> , 14(2), 203-220. https://doi.org/10.1504/IJRM.2024.138734	05/2024	SCOPUS, Q4
6	Cuong Nguyen Thanh , Hai Phan Thanh (2024). The Impact of Market Liquidity on The Stock Returns During the Covid-19 Outbreak: New Evidence from Vietnam. <i>Advances in Decision Sciences</i> , 28(1), 75-95. https://doi.org/10.47654/v28y2024i1p75-95	03/2024	SCOPUS, Q1
7	Cuong Nguyen Thanh , & Huy, T. P. (2024). Classification for Dividend Payout in Vietnam Stock Exchange Market: A Comparative Review of Machine Learning Algorithms. <i>Journal of International Commerce, Economics and Policy</i> , 2450009. https://doi.org/10.1142/S1793993324500091	04/2024	ESCI; SCOPUS, Q2

TT	Tên công trình	Tháng/ năm công bố	Loại tạp chí
8	Pham Dinh Tuan, Nguyen Thanh Cuong & Doan Ngoc Phi Anh (2022). The Impact of Management Accounting Practices (MAPs) on Firm Performance: A Literature Review. <i>International Journal of Auditing and Accounting Studies</i> . 4(2), 211-230. https://DOI: 10.47509/IJAAS.2022.v04i02.03	10/2022	
9	Nguyen, Cuong Thanh , Hai, P. T., & Nguyen, H. K. (2021). Stock market returns and liquidity during the COVID-19 outbreak: evidence from the financial services sector in Vietnam. <i>Asian Journal of Economics and Banking</i> . Vol. 5 No. 3, pp. 324-342. https://doi.org/10.1108/AJEB-06-2021-0070	10/2021	
10	Alaoui Mdaghri, A., Raghibi, A., Thanh Cuong Nguyen and Oubdi, L. (2021), Stock market liquidity, the great lockdown and the COVID-19 global pandemic nexus in MENA countries, <i>Review of Behavioral Finance</i> , Vol. 13 No. 1, pp. 51-68. https://doi.org/10.1108/RBF-06-2020-0132	03/2021	ESCI, SCOPUS, Q2
11	Raghibi, A., Thanh Cuong Nguyen , & Oubdi, L. (2021). Optimal level, Partial Speed of Adjustment and Determinants of Corporate Cash Holding: Evidence from MENA Countries. <i>Raghibi, A., Thanh, CN, & Oubdi, L.(2021). Optimal level, Partial Speed of Adjustment and Determinants of Corporate Cash Holding: Evidence from MENA Countries. Indonesian Capital Market Review</i> , 13 (2021) 48-60. https://doi.org/10.21002/icmr.v13i1.12840	01/2021	ESCI
12	Nguyen , V. B., Nguyen , T. C. , Phan , T. H., & Phan , H. T. (2025). Inventory and firm performance nexus: The influence of capital intensity. <i>Journal of Finance - Marketing Research</i> , 3(2), 50-64. https://doi.org/10.52932/jfmr.v3i2e.700	07/2025	
13	Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thành Cường và Nguyễn Hữu Phú (2025), “Đo lường mức độ quản trị lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”. <i>Tạp chí Khoa học Thương Mại</i> . Số 204/2025. Trang 25-37.	07/2025	
14	Nguyễn Văn Bảy, Nguyễn Thành Cường , Phan Thanh Hải (2025), “Tác động của số ngày lưu kho đến hiệu quả hoạt động: bằng chứng thực nghiệm tại các công ty sản xuất được	03/2025	

TT	Tên công trình	Tháng/ năm công bố	Loại tạp chí
	<i>niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam”. Tạp chí Khoa học Thương Mại. Số 201/2025. Trang 68-85.</i>		
15	Phạm Đình Tuấn, Nguyễn Thành Cường , Đoàn Ngọc Phi Anh (2024), “Ảnh hưởng của vận dụng kỹ thuật kế toán quản trị đương đại đến thành quả doanh nghiệp Việt Nam”. <i>Tạp chí Khoa học Thương Mại</i> , Số đặc biệt - Số 2 (10/2024), trang 33-43.	10/2024	
16	Phạm Đình Tuấn, Đoàn Ngọc Phi Anh, Nguyễn Thành Cường (2024), “Ảnh hưởng của vận dụng các phương pháp và kỹ thuật kế toán quản trị đương đại đến thành quả tài chính tại các doanh nghiệp Việt Nam”. <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội</i> , Tập 60 - Số 2(02/2024), trang 33-40.	02/2024	
II	TS. Nguyễn Hữu Mạnh		
17	Vuong Thi Huong Giang, Nguyen Huu Manh . Revenue diversification and banking risk: does the state ownership matter? Evidence from an emerging market. <i>Annals of Financial Economics</i> . https://doi.org/10.1142/S2010495220500190	12/2020	ESCI; SCOPUS, Q1
18	Thi Huong Giang Vuong, Thuy Hang Dao, Thi Thuy Hang Le, Huu Manh Nguyen* (<i>Corresponding author</i>). Debts and corporate cash holdings: Evidence from ASEAN-5, <i>Investment Management and Financial Innovations</i> , DOI: 10.21511/imfi.19(1).2022.14	02/2022	SCOPUS, Q3
19	Thi Huong Giang Vuong, Yang-Che Wu, Tzu-Ching Weng, Huu Manh Nguyen* (<i>Corresponding author</i>), Xuan Vinh Vo. Capital Structure Choices and Stock Market Volatility: Evidence from Chinese Listed Firms. <i>The Chinese Economy</i> https://doi.org/10.1080/10971475.2022.2058180	04/2022	SCOPUS, Q1
20	Giang Thi Huong Vuong, Manh Huu Nguyen & Wing Keung Wong. CBOE volatility index (VIX) and corporate market leverage. <i>Cogent Economics & Finance</i> . https://doi.org/10.1080/23322039.2022.2111798	08/2022	ESCI, Q3
21	Giang Thi Huong Vuong, Manh Huu Nguyen , Anh Ngoc Quang Huynh. Volatility spillovers from the Chinese stock market to the U.S. stock market: The role of the COVID-19 pandemic. <i>The Journal of Economic Asymmetries</i> . https://doi.org/10.1016/j.jeca.2022.e00276	10/2022	SCOPUS, Q1

TT	Tên công trình	Tháng/ năm công bố	Loại tạp chí
22	Giang Thi Huong Vuong, Manh Huu Nguyen & Wing Keung Wong. Whether economic policy uncertainty instigates an increase in the cash holdings of singaporean-listed. Asian Academy of Management Journal of Accounting and Finance. https://doi.org/10.21315/aamjaf2023.19.1.1	06/2023	ESCI; SCOPUS, Q3
23	Huu Manh Nguyen , Walid Bakry, Thi Huong Giang Vuong. <i>COVID-19 pandemic and herd behavior: Evidence from a frontier market</i> . Journal of Behavioral and Experimental Finance. https://doi.org/10.1016/j.jbef.2023.100807	06/2023	SSCI, Q1
24	Thi Huong Giang Vuong, Van Phuc Nguyen, Walid Bakry, Huu Manh Nguyen *(Corresponding author), <i>Stock return volatility and financial distress: Moderating roles of ownership structure, managerial ability, and financial constraints</i> . International Review of Economics & Finance. https://doi.org/10.1016/j.iref.2024.01.054	03/2024	SSCI, Q1
25	Thi Huong Giang Vuong, Yen Dang Hai Nguyen, Huu Manh Nguyen *(Corresponding author), Wing-Keung Wong. <i>Assessing the impact of macroeconomic uncertainties on bank stability: Insights from ASEAN-8 countries</i> . Heliyon. DOI: https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e31711	06/2024	SCIE, Q1
26	Huu Manh Nguyen , Walid Bakry, Thi Huong Giang Vuong. <i>How oil price uncertainty influences corporate capital structure: evidence from BRIC countries</i> . Macroeconomics and Finance in Emerging Market Economies. https://doi.org/10.1080/17520843.2024.2363070	06/2024	ESCI, Q3
27	Giang Thi Huong Vuong, Phuc V. Nguyen, Manh Huu Nguyen* *(Corresponding author). <i>Does stock liquidity matter for corporate cash holdings? Insights from a transition economy</i> . Global Finance Journal. Doi: 10.1016/j.gfj.2025.101102 .	05/2025	SSCI, Q1
28	Nguyễn Hữu Mạnh , Vương Thị Hương Giang, Phạm Thị Anh Thư. <i>Tác động của thông tin bất cân xứng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường</i>	05/2023	

TT	Tên công trình	Tháng/ năm công bố	Loại tạp chí
	<i>chứng khoán Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á, đại học Ngân hàng TP HCM, Số 206 (2023)</i>		
29	<i>Vương Thị Hương Giang, Nguyễn Hữu Mạnh. Tiềm kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC) tại các nước đang phát triển: Khảo lược và Định hướng nghiên cứu mới. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á - Số 34(4) 2023. NXB: Đại học kinh tế TP.HCM.</i>	04/2023	
30	<i>Vương Thị Hương Giang, Lương Trần Hoàng Hương, Nguyễn Hữu Mạnh. Liệu rằng đầu tư công nghệ thông tin và truyền thông có làm gia tăng doanh thu hoạt động dịch vụ của các Ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á - Số 35(2) 2024. NXB: Đại học kinh tế TP.HCM.</i>	06/2024	
31	<i>Vương Thị Hương Giang, Nguyễn Hữu Mạnh, Nguyễn Thị Minh Nguyệt. Tác động của cấu trúc vốn đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á, Số 202 + 203</i>	01/2023	
32	<i>Nguyễn Hữu Mạnh, Vương Thị Hương Giang. Ảnh hưởng của chỉ số mức độ phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí kinh tế và phát triển, đại học Kinh tế Quốc dân, số 304 năm 2022.</i>	09/2022	
33	<i>Nguyễn Hữu Mạnh. Tác động của biến động lợi nhuận cổ phiếu đến lựa chọn cấu trúc vốn: Bằng chứng từ các doanh nghiệp tại Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á, đại học Ngân hàng TP HCM, số 198 năm 2022.</i>	09/2022	
III	TS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc		
34	Nguyen, T. B. N. , Lin, L. F., Su, X. Q., & Yu, J. H. (2021). Does managerial education matter for credit risk? Evidence from Taiwan. <i>Finance Research Letters</i> , 41, 101812. https://doi.org/10.1016/j.frl.2020.101812	7/2021	SSCI, Q1
35	Ko, S. M., Lin, K. H., Wang, T. L., & Nguyen, T. B. N. (2023) . Media Coverage and the Incidence of Financial Restatements in Taiwan. <i>Advances in Management & Applied Economics</i> , 13(6), 67-88. https://doi.org/10.47260/amae/1364	6/2023	
36	Lin, C. H., Wang, T. L., Ke, D. Y., & Nguyen, T. B. N. (2023) . Do Foreign Investors Curb Stock Price Crash Risk?	4/2023	

TT	Tên công trình	Tháng/ năm công bố	Loại tạp chí
	Evidence from Ownership Concentration in Taiwan. <i>Modern Economy</i> , 14(4), 481-509. 10.4236/me.2023.144027		
37	Yang, P. Y., Ke, D. Y., Chen, K. C., & Nguyen, T. B. N. (2024) . Foreign versus domestic institutional ownership and stock price synchronicity in Taiwan. <i>Financial Markets and Portfolio Management</i> , 38(2), 239-263. https://doi.org/10.1007/s11408-023-00441-2	6/2024	ESCI, Q2
38	Nguyen, T. B. N. , Lin, L. F., Chin, L. C., & Hsieh, M. D. (2025). Directors and officers liability insurance and the wealth effect of M&A announcements. <i>Applied Economics</i> , 57(10), 1025-1041. https://doi.org/10.1080/00036846.2024.2311061	2/2024	SSCI, Q2
39	Hsieh, M. D., Shieh, L. F., Ke, D. Y., & Nguyen, T. B. N. (2025) . Directors' and officers' liability insurance and the shareholder value of strategic alliance announcement in Taiwan. <i>Journal of Management and Governance</i> , 1-34. https://doi.org/10.1007/s10997-024-09732-w	1/2025	ESCI, Q1
40	Nguyen, T. B. N. , Ke, D. Y., & Su, X. Q. (2025). Do CEOs with elite education matter? Evidence from shareholder value in mergers and acquisitions. <i>Pacific-Basin Finance Journal</i> , 90, 102668. https://doi.org/10.1016/j.pacfin.2025.102668	4/2025	SSCI, Q1
IV	TS. Võ Văn Cần		
41	Võ Văn Cần và Nguyễn Thị Liên Hương (2025) , “Ảnh hưởng của khả năng sinh lời và đặc trưng tài chính đến rủi ro đầu tư cổ phiếu của các công ty bất động sản”, <i>Tạp chí Tài Chính</i> , số 846, Kỳ 1, T4/2025, trang 145-145.	4/2025	
42	Võ Văn Cần và Nguyễn Thị Liên Hương (2024), “Ứng dụng mô hình Dupont mở rộng trong phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp”, <i>Tạp chí Tài Chính</i> , số 823, Kỳ 2, T4/2024, trang 102-105.	4/2024	
43	Võ Văn Cần và Nguyễn Thị Liên Hương (2023), “Vận dụng mô hình Dupont trong phân tích hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp phi tài chính”, <i>Tạp chí Tài Chính</i> , số 799, Kỳ 2, T4/2023, trang 106-109.	4/2023	

TT	Tên công trình	Tháng/ năm công bố	Loại tạp chí
44	Võ Văn Cần và Nguyễn Thị Liên Hương (2022), “Chuyển đổi số trong doanh nghiệp - Những rào cản và định hướng”, <i>Tạp chí Công Thương</i> , số 10, tháng 5/2022, trang 29-35.	5/2022	
45	Võ Văn Cần, Hoàng Văn Tuấn và Nguyễn Thị Liên Hương (2021), “Ứng dụng mô hình FGLS trong kiểm định sự ảnh hưởng của các nhân tố tài chính đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch tỉnh Khánh Hòa”, <i>Tạp chí Công thương</i> , số 08, tháng 4/2021, trang 355-361.	4/2021	
IV	TS. Nguyễn Thị Hiễn		
46	Nguyễn Thị Hiễn , Trần Việt Dũng (2021)“Nhân tố tác động đến chính sách cổ tức của các doanh nghiệp chế biến thủy sản được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”. <i>Tạp chí Khoa học Công nghệ Thủy sản - Trường ĐHNT</i> số 2.2021	6/2021	
47	Nguyễn Thị Hiễn (2023), “Đánh giá hiệu quả sản xuất của nghề lưới vây xa bờ tại Huyện Núi Thành, Tỉnh Quang Nam”. <i>Tạp chí Khoa học công nghệ thủy sản</i> , số 1 năm 2023, trang 21-27.	2/2023	
48	Trần Đức Phú, Nguyễn Thị Hiễn (2023)“Thực trạng và hiệu quả sản xuất của nghề lưới mảnh tại thành phố Phan Thiết tỉnh Bình Thuận”,Số 03 (2023): <i>Tạp chí Khoa học - Công nghệ thủy sản</i>	9/2023	
49	Nguyễn Thị Hiễn , Trần Việt Dũng (2024)“ Các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách cổ tức của các công ty thực phẩm - đồ uống được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam” . <i>Tạp chí Công thương</i> số 19, (Trang 208 - 213).	9/2024	

III.5.2. Đề tài khoa học các cấp được thực hiện bởi cán bộ cơ hữu tham gia xây dựng đề án mở ngành thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Bảng III.11: Danh mục đề tài khoa học các cấp được thực hiện bởi các giảng viên trong hội đồng xây dựng ngành Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

STT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Ghi chú
PGS. TS. Nguyễn Thành Cường		
1	TR2012-13-12: Xây dựng mô hình hồi quy ngưỡng: Nghiên cứu tác động của cấu trúc vốn lên giá trị doanh nghiệp chế biến Thủy sản Khánh hòa.	Chủ nhiệm (Cấp Trường)
2	TR2016-13-08: Xây dựng cấu trúc vốn mục tiêu cho các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Chủ nhiệm (Cấp Trường)
3	Nghiên cứu mối quan hệ giữa thanh khoản và lợi nhuận cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn bùng phát Covid-19.	Chủ nhiệm (Cấp Trường)

STT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Ghi chú
TS. Nguyễn Hữu Mạnh		
4	TR2021-13-14: Nghiên cứu tác động của biến động lợi nhuận cổ phiếu lên lựa chọn cấu trúc vốn của các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.	Chủ nhiệm (Cấp Trường)
5	TR2023-13-46: Nghiên cứu tác động của biến động giá dầu và nắm giữ tiền mặt của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Chủ nhiệm (Cấp Trường)
TS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc		
6	TR2023-13-44: Nghiên cứu ảnh hưởng của quy tắc giao dịch đường trung bình động lên lợi nhuận cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh	Chủ nhiệm (Cấp Trường)
TS. Võ Văn Cần		
7	TR2017-13-16: Các nhân tố tài chính ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch tỉnh Khánh Hòa	Chủ nhiệm (Cấp Trường)
8	Đề án: Nghiên cứu các giải pháp quản lý công tác thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025	Thành viên (Cấp Tỉnh)
TS. Nguyễn Thị Hiền		
9	TR1999- Một số biện pháp nhằm thúc đẩy việc áp dụng HACCP tại công ty chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang	Chủ nhiệm (Cấp Trường)
10	B2001- Nghiên cứu các biện pháp kinh tế nhằm mở rộng việc áp dụng hệ thống HACCP trong công tác quản lý chất lượng tại các DNNN ngành chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa	Chủ nhiệm (Cấp Bộ)
11	B2005- Nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ của trường đại học Thủy sản	Chủ nhiệm (Cấp Bộ)
12	B2009- Các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ dạy và học của trường Đại học Nha Trang	Chủ nhiệm (Cấp Bộ)

III.5.3. Các hướng nghiên cứu đề án và dự kiến người hướng dẫn:

Bảng III.12: Các hướng nghiên cứu đề tài đề án và dự kiến người hướng dẫn

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên	Họ tên, chức danh, học vị người có thể hướng dẫn học viên
1	Quản trị tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Hữu Mạnh TS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc TS. Võ Văn Cần TS. Nguyễn Thị Hiền TS. Nguyễn Văn Hương TS. Nguyễn Tuấn

		TS. Nguyễn Bích Hương Thảo TS. Võ Thị Thùy Trang TS. Phạm Đình Tuấn
2	Ngân hàng thương mại và quản trị rủi ro ngân hàng	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Hữu Mạnh TS. Võ Văn Cần TS. Nguyễn Thị Hiền TS. Nguyễn Tuấn TS. Nguyễn Bích Hương Thảo TS. Võ Thị Thùy Trang TS. Phạm Đình Tuấn
3	Thị trường tài chính và chứng khoán	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Hữu Mạnh TS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc TS. Võ Văn Cần TS. Nguyễn Thị Hiền TS. Nguyễn Văn Hương TS. Nguyễn Tuấn TS. Phạm Đình Tuấn
4	Quản trị rủi ro tài chính	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Hữu Mạnh TS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc TS. Võ Văn Cần TS. Nguyễn Thị Hiền TS. Nguyễn Văn Hương TS. Nguyễn Tuấn TS. Võ Thị Thùy Trang TS. Phạm Đình Tuấn
5	Tài chính hành vi	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Thị Hiền TS. Võ Thị Thùy Trang
6	Tài chính công và chính sách vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Hữu Mạnh TS. Võ Văn Cần TS. Nguyễn Thị Hiền TS. Nguyễn Văn Hương
7	Tài chính bền vững và ESG	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Hữu Mạnh TS. Nguyễn Thị Hiền

		TS. Nguyễn Văn Hương TS. Võ Thị Thùy Trang
8	Chuyển đổi số và Fintech trong tài chính – ngân hàng	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Hữu Mạnh TS. Võ Văn Cần
9	Phân tích định lượng và mô hình tài chính	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Hữu Mạnh TS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc TS. Võ Văn Cần TS. Nguyễn Tuấn
10	Quản lý tài sản và đầu tư cá nhân	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Hữu Mạnh TS. Nguyễn Thị Hiền TS. Võ Thị Thùy Trang

III.6. Hợp tác trong nước và quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

Khoa Kế toán – Tài chính, Trường Đại học Nha Trang xác định hợp tác trong nước và quốc tế là một trong những trụ cột chiến lược nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đối với chương trình Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng. Trong những năm qua, Khoa đã thiết lập và phát triển mạng lưới hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, cơ sở giáo dục và viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Những mối quan hệ này đã tạo điều kiện thuận lợi để cập nhật chương trình đào tạo theo chuẩn khu vực và quốc tế, đồng thời mở rộng cơ hội học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp cho học viên sau đại học.

Một trong những minh chứng tiêu biểu cho nỗ lực tăng cường hợp tác học thuật là vai trò của Khoa trong chuỗi Hội thảo khoa học quốc gia thường niên về Kế toán và Kiểm toán (Vietnam Conference on Accounting and Auditing – VCAA). Từ năm 2019 đến 2024, Khoa đã phối hợp tổ chức hội thảo này cùng với các trường đại học hàng đầu trong lĩnh vực kinh tế – tài chính tại Việt Nam, bao gồm Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, và Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Thương Mại. Hội thảo là diễn đàn học thuật uy tín, nơi các nhà nghiên cứu, giảng viên và học viên sau đại học trao đổi các kết quả nghiên cứu mới nhất, đồng thời thảo luận các xu hướng phát triển trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán và tài chính.

Đặc biệt, vào năm 2025, Khoa Kế toán – Tài chính sẽ là đơn vị chủ trì tổ chức hội thảo VCAA 2025 tại Trường Đại học Nha Trang, với sự tham gia của hơn 30 trường đại học và viện nghiên cứu trên toàn quốc. Sự kiện này không chỉ khẳng định uy tín học thuật ngày càng được nâng cao của Khoa, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu chuyên sâu, hỗ trợ học viên cao học trong phát triển đề tài luận văn cũng như kết nối với cộng đồng khoa học trong nước.

Song song với đó, Khoa còn đồng tổ chức các hội thảo khoa học khác có tầm ảnh hưởng trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và Kế toán – Kiểm toán, như: Hội thảo quốc gia “Nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán và Tài chính - Ngân hàng trong thời đại công nghệ 4.0” (2020); Hội thảo quốc gia “Xu hướng nghiên cứu lĩnh vực Tài chính, Kế toán, Kiểm toán và Quản trị trong bối cảnh mới” (2023); và đặc biệt là Hội thảo quốc tế thường niên “The International Conference on Accounting, Economics, Finance, and Management: A Sustainability Development Perspective (ICAEFM)” đồng tổ chức với Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh từ năm 2022 đến nay.

Tổng thể, các hoạt động hợp tác chuyên môn sâu rộng này đã và đang tạo nên nền tảng học thuật vững chắc cho chương trình Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, tư duy phản biện và khả năng hội nhập nghề nghiệp cho học viên.

III.7. Phương án, giải pháp đề phòng ngừa và xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Trong bối cảnh giáo dục đại học đang chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố biến động về chính sách, nhu cầu xã hội và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo, việc mở ngành đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng đã được Nhà trường, Khoa Kế toán – Tài chính và Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện. Quá trình xem xét này được thực hiện trên cơ sở nhận diện và dự báo các rủi ro tiềm ẩn nhằm đảm bảo tính khả thi và tính bền vững của chương trình trong dài hạn.

1. Dự báo các rủi ro tiềm ẩn: Một số rủi ro có thể phát sinh trong quá trình triển khai chương trình đào tạo bao gồm:

- *Biến động về nhu cầu học tập:* Sự thay đổi trong xu hướng lựa chọn ngành học của người học, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
- *Cạnh tranh trong hệ thống giáo dục:* Sự gia tăng cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục trong và ngoài khu vực về tuyển sinh và chất lượng đào tạo.
- *Thay đổi trong chính sách và chuẩn kiểm định:* Những điều chỉnh về quy định pháp luật hoặc các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trong đào tạo sau đại học.
- *Yếu tố khách quan:* Tác động tiêu cực từ dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế hoặc các yếu tố bất định khác có thể ảnh hưởng đến khả năng tuyển sinh và tổ chức đào tạo.

2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu nội tại

Cơ sở đào tạo có những điểm mạnh rõ rệt như:

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, trong đó tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ đạt chuẩn theo quy định hiện hành.
- Hệ thống cơ sở vật chất, phòng học, thư viện và học liệu điện tử đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số điểm cần cải thiện:

- Quy mô giảng viên có trình độ tiến sĩ chưa đạt mức tối ưu theo định hướng đến năm 2030 (tối thiểu 50% theo quy định).
- Chưa cập nhật đầy đủ các yêu cầu mới trong kiểm định chương trình đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế.

3. Các nhóm rủi ro chính có thể phát sinh

- Dựa trên phân tích trên, có thể xác định ba nhóm rủi ro chính:
- Rủi ro tuyển sinh không đạt chỉ tiêu: Do sai lệch trong dự báo nhu cầu hoặc tác động từ thị trường lao động.
- Rủi ro không duy trì điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo: Bao gồm sự thiếu hụt về đội ngũ giảng viên, học liệu, cơ sở vật chất hoặc thay đổi trong quy định quản lý.
- Rủi ro không đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo sau năm 2030: Trong trường hợp tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ không đạt mức tối thiểu theo quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Giải pháp phòng ngừa và ứng phó rủi ro

Để giảm thiểu và kiểm soát các rủi ro nêu trên, cơ sở đào tạo xây dựng các nhóm giải pháp đồng bộ như sau:

- Tăng cường công tác khảo sát nhu cầu xã hội và dự báo tuyển sinh định kỳ hằng năm nhằm đảm bảo tính sát thực với thị trường lao động.
- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tuyển dụng giảng viên có trình độ tiến sĩ nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ, hướng tới đạt chuẩn sau năm 2030.
- Thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình đào tạo phù hợp với các tiêu chuẩn kiểm định quốc gia và quốc tế.
- Mở rộng hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo điều kiện tăng cường chất lượng và tính ứng dụng của chương trình.

5. Phương án xử lý trong trường hợp xảy ra rủi ro đình chỉ ngành đào tạo

Trong trường hợp bất khả kháng, nếu ngành đào tạo bị đình chỉ do không đáp ứng các điều kiện theo quy định, nhà trường cam kết thực hiện các biện pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi của người học, giảng viên và các bên liên quan:

- *Đối với người học:* Thiết lập phương án chuyển tiếp sang các cơ sở đào tạo khác cùng ngành thông qua thỏa thuận hợp tác; đảm bảo chuyển giao toàn bộ kết quả học tập, học phí đã đóng và hỗ trợ các chi phí phát sinh (nếu có).
- *Đối với giảng viên:* Có kế hoạch điều chuyển giảng dạy sang các ngành đào tạo gần, đảm bảo công việc và thu nhập ổn định.
- *Đối với cơ sở đào tạo:* Tiến hành rà soát, đánh giá toàn bộ quy trình quản trị đào tạo nhằm xác định nguyên nhân, khắc phục thiếu sót và chuẩn bị điều kiện mở lại ngành khi đủ điều kiện.

6. Kết luận: Với việc chủ động nhận diện các nguy cơ tiềm ẩn và triển khai các giải pháp phòng ngừa, ứng phó một cách kịp thời và toàn diện, cơ sở đào tạo hoàn toàn có cơ sở để kiểm soát rủi ro và duy trì hoạt động đào tạo ngành thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng một cách ổn định, đảm bảo chất lượng trong cả ngắn hạn và dài hạn.

PHẦN IV- CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

IV.1. Quá trình xây dựng chương trình đào tạo

Việc xây dựng đề án mở ngành và chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng được thực hiện trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp lý hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời căn cứ vào các văn bản quy phạm nội bộ của Trường Đại học Nha Trang. Cụ thể, Hội đồng xây dựng đề án đã vận dụng đầy đủ các văn bản pháp lý liên quan, bao gồm: Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 06/5/2022 quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; và Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT về quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ. Bên cạnh đó, quá trình xây dựng chương trình còn tuân thủ Quyết định số 173/QĐ-ĐHNT ngày 12/02/2025 của Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định mở ngành và phát triển chương trình đào tạo, trong đó xác định rõ cấu trúc, nội dung và quy trình phát triển CTĐT.

Về mặt quy trình, việc triển khai đề án mở ngành và xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện theo trình tự 6 bước được quy định tại Điều 11 của Quyết định số 173/QĐ-ĐHNT, cụ thể như sau:

Bước 1: Lập đề xuất mở ngành và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương;

Bước 2: Tổ chức thẩm định và phê duyệt chủ trương mở ngành;

Bước 3: Xây dựng đề án mở ngành đào tạo đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và phù hợp với chuẩn đầu ra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Bước 4: Hoàn thiện các điều kiện cần thiết để đáp ứng yêu cầu mở ngành, bao gồm đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính;

Bước 5: Tổ chức thẩm định đề án mở ngành thông qua hội đồng chuyên môn có năng lực và kinh nghiệm;

Bước 6: Trình Hiệu trưởng phê duyệt đề án và ban hành quyết định chính thức về việc mở ngành đào tạo.

Toàn bộ quy trình trên được triển khai theo định hướng tiếp cận chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó, chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng được thiết kế đảm bảo chất lượng, khả thi trong triển khai và phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Nhà trường.

IV.2. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kế toán – Tài chính
Tên chương trình	Tài chính – Ngân hàng (Master of Finance and Banking)
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Mã số ngành đào tạo	8340201
Định hướng đào tạo	Ứng dụng
Tổng số tín chỉ	60
Thời gian đào tạo	2 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng dành cho người học đã tốt nghiệp đại học các ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh và các ngành liên quan, có nhu cầu nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để vận dụng vào thực tiễn hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính. Chương trình chú trọng phát triển năng lực phân tích, hoạch định và thực thi các hoạt động nghiệp vụ trong môi trường tài chính hiện đại và hội nhập.

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

III.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình là đào tạo người học có năng lực phân tích, hoạch định và triển khai hiệu quả các giải pháp tài chính trong môi trường thực tiễn tại doanh nghiệp, tổ chức tài chính và ngân hàng; có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực như quản trị tài chính, thẩm định tín dụng, quản lý rủi ro, đầu tư tài chính và phân tích thị trường. Người học đồng thời được phát triển khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, năng lực phát hiện vấn đề và phản biện, cũng như thích ứng linh hoạt với những thay đổi trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số của lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

III.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng nhằm giúp người học nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực thực hành trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, với các mục tiêu sau:

1. **PEO1:** Trang bị cho người học kiến thức nền tảng về triết học, kỹ năng phân tích

và truyền đạt kiến thức, kỹ năng tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong môi trường học thuật và nghề nghiệp ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2. **PEO2:** Cung cấp kiến thức liên ngành giữa kinh tế, tài chính và quản trị nhằm nâng cao năng lực tổ chức, hoạch định và điều hành các hoạt động tài chính tại doanh nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng thương mại và cơ quan quản lý nhà nước.
3. **PEO3:** Phát triển kiến thức chuyên sâu và toàn diện về tài chính – ngân hàng, bao gồm quản trị tài chính, phân tích tài chính, đầu tư tài chính, quản lý rủi ro và phân tích thị trường, nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và ra quyết định hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp.
4. **PEO4:** Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, tư duy phản biện và sáng tạo; phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường tài chính thực tiễn; có năng lực tự học suốt đời, tự định hướng phát triển nghề nghiệp, hướng dẫn người khác, và tham gia cải tiến hoạt động chuyên môn để thích ứng với bối cảnh thay đổi và hội nhập.

IV. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, người học có khả năng:

1. **PLO1:** Có cơ sở lý luận triết học để ứng dụng vào công việc nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (*người học tự học để đạt chuẩn theo quy định của Trường Đại học Nha Trang*).
2. **PLO2:** Có kỹ năng phân tích, đánh giá dữ liệu và thông tin để giải quyết các vấn đề khoa học chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có khả năng truyền đạt tri thức và thảo luận học thuật với các chuyên gia và cộng đồng khoa học.
3. **PLO3:** Có năng lực phân tích, đánh giá và tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn; ứng dụng các giải pháp đổi mới và sáng tạo trong quản trị tài chính, phân tích tài chính, đầu tư tài chính, quản lý rủi ro và phân tích thị trường.
4. **PLO4:** Có năng lực phân tích, đánh giá và tổ chức các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng thông qua việc tích hợp và vận dụng hiệu quả kiến thức liên ngành như kinh tế học, quản trị, kế toán và các lĩnh vực liên quan.
5. **PLO5:** Có năng lực phân tích và vận dụng kiến thức nền tảng về tài chính - ngân hàng để xây dựng, triển khai và đánh giá chính sách trong các tổ chức tài chính, ngân hàng và doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và thích ứng với bối cảnh kinh tế thay đổi.
6. **PLO6:** Có năng lực phân tích và đánh giá hiệu quả, tính khả thi của các giải pháp tài chính trong môi trường thực tiễn dựa trên nền tảng kiến thức lý thuyết và thực tiễn sâu rộng, hiện đại trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

7. **PLO7:** Có khả năng tự học, tư duy sáng tạo, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia và đề xuất các sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính, cải tiến chính sách và giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

V. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs						
	1	2	3	4	5	6	7
1	x	x	x				
2		x	x	x	x		
3			x	x	x	x	
4							x

VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, người học có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và tư duy phản biện để đảm nhiệm các vị trí nghiên cứu, tư vấn, quản lý cấp trung và cấp cao tại các tổ chức, cơ quan trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, cụ thể như sau:

1. Tại các ngân hàng thương mại: Người học có thể làm việc tại các vị trí chuyên viên hoặc quản lý trong các bộ phận như: thẩm định tín dụng và dự án đầu tư, quản lý nguồn vốn, tín dụng doanh nghiệp và bán lẻ, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, quản lý rủi ro và phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính.

2. Tại các công ty tài chính: Đảm nhiệm vai trò chuyên gia hoặc quản lý trong các lĩnh vực như: quản lý dự án tài chính, cho thuê tài chính, phân tích và đánh giá đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, xây dựng các mô hình phân tích và tối ưu hóa hiệu quả tài chính.

3. Tại các công ty chứng khoán: Làm việc ở các vị trí phân tích và quản lý như: môi giới chứng khoán, tự doanh, phân tích đầu tư và tài sản, phát triển sản phẩm chứng khoán phái sinh, tư vấn tài chính doanh nghiệp và đầu tư cá nhân.

4. Tại các doanh nghiệp và tập đoàn kinh tế: Người học có thể tham gia quản lý danh mục đầu tư, hoạch định tài chính, kiểm soát nội bộ, lập kế hoạch ngân sách và phân tích tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

5. Tại các cơ quan quản lý nhà nước (Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Cơ quan thuế, Sở Tài chính...): Làm việc với vai trò cán bộ nghiên cứu hoặc quản lý trong các mảng như: thanh tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tài chính, quản lý thu – chi ngân sách, hoạch định chính sách và tham mưu chiến lược tài chính – ngân hàng ở tầm vĩ mô.

6. Tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và trung tâm đào tạo chuyên sâu: Tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; đồng thời có khả năng hướng dẫn học viên, sinh viên và tổ chức hoạt động học thuật chuyên sâu.

VII. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

VII.1. Chuẩn đầu vào và điều kiện về văn bằng đại học

- Học viên phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, phù hợp và ngành gần hoặc ngành khác (cần bổ sung kiến thức);
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
- Người dự tuyển đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

TT	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Các yêu cầu khác (nếu có)
1	Ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức Tài chính - Ngân hàng (7340201)	Không	
2	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức - Kế toán (7340301) - Kiểm toán (7340302) - Quản trị kinh doanh (7340101) - Kinh doanh thương mại (7340121) - Kinh doanh quốc tế (7340120) - Kinh tế (7310101) - Kinh tế đầu tư (7310104) - Kinh tế quốc tế (7310106) - Ngân hàng (7340202) - Bảo hiểm (7340204) - Thuế và Hải quan (7340203) - Hệ thống thông tin quản lý (7340405) - Marketing (7340115) - Thống kê kinh tế (7310107)	Có	

Ghi chú: Các ngành/chuyên ngành phù hợp không được liệt kê bên trong Mục VII.1 sẽ được xem xét tùy trường hợp, nếu có yêu cầu của học viên.

VII.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

Đối với các ứng viên tốt nghiệp đại học thuộc ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức hoặc ngành phù hợp không được liệt kê trong mục VII.1, cần phải học bổ sung các học phần sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3 (3-0)
2	FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3 (3-0)
3	FIB358	Thị trường chứng khoán	3 (3-0)

VII.3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển theo đề án tuyển sinh từng năm.

VIII. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Phần	Nội dung		Khối lượng	Tỷ lệ
1	Tổng quát		14 TC	23,3%
	Bắt buộc	Học phần Triết học (4 tín chỉ), Tiếng Anh (6 tín chỉ).	10	16,7%
	Tự chọn	Các học phần kiến thức và kỹ năng tổng quát phục vụ cho hoạt động chuyên môn nghề nghiệp hiệu quả.	4	6,6%
2	Ngành và chuyên ngành		31 TC	51,7%
	Bắt buộc	Các học phần có nội dung thiết yếu của ngành, chuyên ngành nhằm bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.	21 TC	35,0%
	Tự chọn	Các học phần mở rộng và nâng cao kiến thức của ngành, liên ngành hoặc đa dạng hoá hướng chuyên môn.	10 TC	16,7%
3	Thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai			
	Bắt buộc	Thực tập, đi thực tế, trải nghiệm; nghiên cứu triển khai, ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn kinh doanh và quản lý trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.	6 TC	10,0%
4	Tốt nghiệp			
	Bắt buộc	<i>Học phần tốt nghiệp:</i> Đề án tốt nghiệp là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành tài chính – ngân hàng vào thực tế.	9 TC	15,0%
Tổng số tín chỉ của chương trình			60 TC	100%

IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

IX.1. Khung chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức tổng quát		14	
1.1. Các học phần bắt buộc		10	
POS502	Triết học/ <i>Philosophy</i>	4(4-0)	
FLS501	Tiếng Anh học thuật 1/ <i>Academic English 1</i>	3	
FLS502	Tiếng Anh học thuật 2/ <i>Academic English 2</i>	3	
1.2. Các học phần tự chọn		4	
1.2.1. Nhóm học phần tự chọn 1 (chọn 1 học phần)		2	
BUA7200	Khoa học quản lý/ <i>Scientific Management</i>	2	
FIB7200	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính – Ngân hàng / <i>Research Methods in Finance and Banking</i>	2	
1.2.2. Nhóm học phần tự chọn 2 (chọn 1 học phần)		2	
FIB7201	Quản lý dự án/ <i>Project Management</i>	2	
FIB7202	Thương mại điện tử/ <i>E-Commerce</i>	2	
GS512	Tư duy phản biện và tư duy sáng / <i>Critical and Creative Thinking</i>	2	
2. Kiến thức ngành và chuyên ngành		31	
2.1. Các học phần bắt buộc		21	
FIB7203	Chuyên đề ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ / <i>Topics in Central Banking and Monetary Policy</i>	3 (3-0)	
FIB7204	Chuyên đề tài chính toàn diện và phát triển bền vững / <i>Topics in Financial Inclusion and Sustainable Development</i>	3 (3-0)	
FIB7205	Chuyên đề tài chính công / <i>Topics in Public Finance</i>	3 (3-0)	
FIB7206	Chuyên đề đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư / <i>Topics in Financial Investment and Portfolio Management</i>	3 (3-0)	
FIB7207	Chuyên đề quản trị tài chính / <i>Topics in Financial Management</i>	3 (3-0)	

FIB7208	Chuyên đề quản trị ngân hàng thương mại / <i>Topics in Commercial Bank Management</i>	3 (3-0)	
FIB7209	Chuyên đề quản trị rủi ro ngân hàng thương mại / <i>Topics in Commercial Bank Management</i>	3 (3-0)	
2.2. Các học phần tự chọn (Chọn 5 HP, mỗi HP 2 TC)		10	
FIB7210	Tài chính quốc tế nâng cao / <i>Advanced International Finance</i>	2 (2-0)	
FIB7211	Tài chính hành vi nâng cao/ <i>Advanced Behavioral Finance</i>	2 (2-0)	
FIB7212	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao/ <i>Advanced Financial Risk Management</i>	2 (2-0)	
FIB7213	Ngân hàng đầu tư nâng cao / <i>Advanced Investment Banking</i>	2 (2-0)	
FIB7214	Phân tích tài chính nâng cao / <i>Advanced Financial Analysis</i>	2 (2-0)	
FIB7215	Phân tích đầu tư chứng khoán nâng cao / <i>Advanced Securities Investment Analysis</i>	2 (2-0)	
FIB7216	Tài chính vi mô nâng cao/ <i>Advanced Microfinance</i>	2 (2-0)	
FIB7217	Phân tích chính sách thuế nâng cao / <i>Advanced Tax Policy Analysis</i>	2 (2-0)	
FIB7218	Quản lý tài sản trong kỷ nguyên số nâng cao / <i>Advanced Asset Management in the Digital Era</i>	2 (2-0)	
FIB7219	Tiền kỹ thuật số và Ngân hàng số nâng cao / <i>Advanced Digital Currency and Digital Banking</i>	2 (2-0)	
3. Thực tập		6	
FIB7900	Chuyên đề thực tế về Tài chính – Ngân hàng / <i>Applied Seminar in Finance and Banking</i>	6 (0-6)	
4. Tốt nghiệp		9	
FIB7901	Đề án tốt nghiệp / <i>Capstone Project</i>	9 (0-9)	
Tổng cộng:		60	

IX.2. Nội dung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Phân bổ thời lượng		HP tiên quyết	HP song song	Phân bổ từng học kỳ			
				LT	TH			1	2	3	4
			60	Bắt buộc				10	12	9	15
				Tự chọn				4	4	6	0
1. Khối kiến thức tổng quát			14					14			
1.1. Các học phần bắt buộc			10					10			
1	POS502	Triết học/ <i>Philosophy</i>	4	60				4			
2	FLS501	Tiếng Anh học thuật 1/ <i>Academic English 1</i>	3	45				3			
3	FLS502	Tiếng Anh học thuật 2/ <i>Academic English 2</i>	3	45		(2)		3			
1.2. Các học phần tự chọn			4					4*			
1.2.1. Nhóm học phần tự chọn 1			2					2*			
4	BUA7200	Khoa học quản lý/ <i>Scientific Management</i>	2	30							
5	FIB7200	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính – Ngân hàng / <i>Research Methods in Finance and Banking</i>	2	30							
1.2.2. Nhóm học phần tự chọn 2			2					2*			
6	FIB7201	Quản lý dự án/ <i>Project Management</i>	2	30							
7	FIB7202	Thương mại điện tử/ <i>E-Commerce</i>	2	30							
8	GS512	Tư duy phản biện và tư duy sáng / <i>Critical and Creative Thinking</i>	2	30							

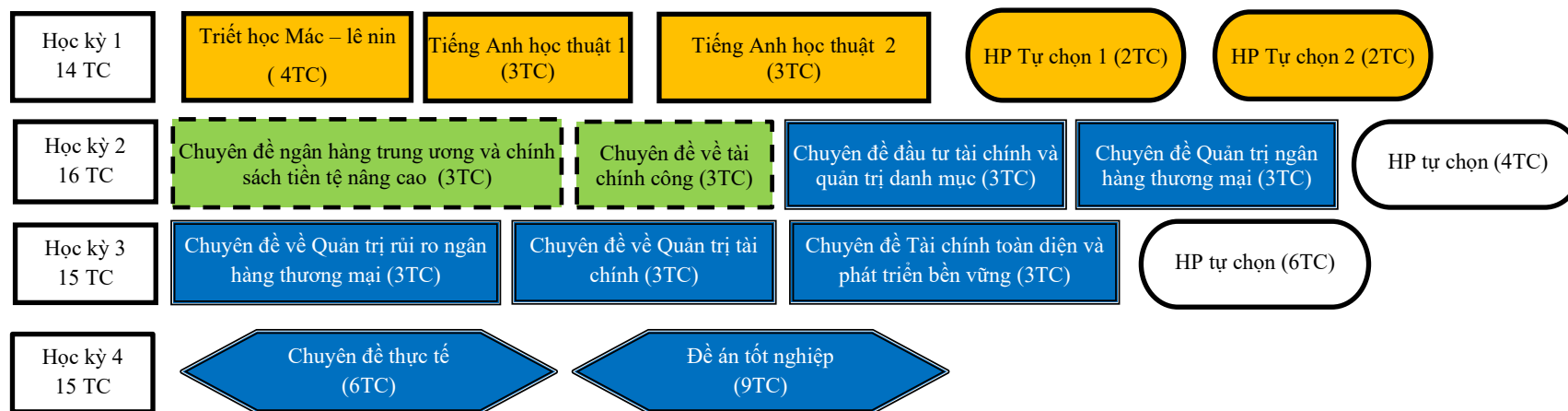
TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Phân bổ thời lượng		HP tiên quyết	HP song song	Phân bổ từng học kỳ			
				LT	TH			1	2	3	4
2. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành			31						16	15	
2.1. Các học phần bắt buộc			21						12	9	
9	FIB7203	Chuyên đề ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ / <i>Topics in Central Banking and Monetary Policy</i>	3	45					3		
10	FIB7204	Chuyên đề Tài chính toàn diện và phát triển bền vững / <i>Topics in Financial Inclusion and Sustainable Development</i>	3	45		(11)				3	
11	FIB7205	Chuyên đề về tài chính công / <i>Topics in Public Finance</i>	3	45					3		
12	FIB7206	Chuyên đề đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư / <i>Topics in Financial Investment and Portfolio Management</i>	3	45					3		
13	FIB7207	Chuyên đề về Quản trị tài chính / <i>Topics in Financial Management</i>	3	45		(12)				3	
14	FIB7208	Chuyên đề Quản trị ngân hàng thương mại / <i>Topics in Commercial Bank Management</i>	3	45		(9)			3		

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Phân bổ thời lượng		HP tiên quyết	HP song song	Phân bổ từng học kỳ			
				LT	TH			1	2	3	4
15	FIB7209	Chuyên đề về Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại / <i>Topics in Commercial Bank Management</i>	3	45		(9;14)				3	
2.2. Các học phần tự chọn			10						4*	6*	
16	FIB7210	Tài chính quốc tế nâng cao / <i>Advanced International Finance</i>	2	30							
17	FIB7211	Tài chính hành vi nâng cao / <i>Advanced Behavioral Finance</i>	2	30							
18	FIB7212	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao / <i>Advanced Financial Risk Management</i>	2	30							
19	FIB7213	Ngân hàng đầu tư nâng cao / <i>Advanced Investment Banking</i>	2	30							
20	FIB7214	Phân tích tài chính nâng cao / <i>Advanced Financial Analysis</i>	2	30							
21	FIB7215	Phân tích đầu tư chứng khoán nâng cao / <i>Advanced Securities Investment Analysis</i>	2	30							

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Phân bổ thời lượng		HP tiên quyết	HP song song	Phân bổ từng học kỳ			
				LT	TH			1	2	3	4
22	FIB7216	Tài chính vi mô nâng cao / <i>Advanced Microfinance</i>	2	30							
23	FIB7217	Phân tích chính sách thuế nâng cao / <i>Advanced Tax Policy Analysis</i>	2	30							
24	FIB7218	Quản lý tài sản trong kỷ nguyên số nâng cao/ <i>Advanced Asset Management in the Digital Era</i>	2	30							
25	FIB7219	Tiền kỹ thuật số và Ngân hàng số nâng cao/ <i>Advanced Digital Currency and Digital Banking</i>	2	30							
3. Khối kiến thức tốt nghiệp			15								15
26	FIB7900	Chuyên đề thực tế về Tài chính – Ngân hàng / <i>Applied Seminar in Finance and Banking</i>	6								6
27	FIB7901	Đề án tốt nghiệp / <i>Capstone Project</i>	9								9

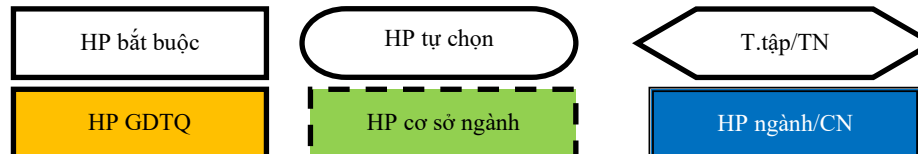
Ghi chú: Các tín chỉ có dấu "*" là của HP tự chọn

LƯU ĐỒ ĐÀO TẠO



Ghi chú: (1) Các biểu thị của hình dạng khung:

(2) Chỉ thị màu/viền:



Sơ đồ quá trình chương trình đào tạo

X. Ma trận thể hiện đóng góp của học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra

TT	Tên học phần	Số TC	Mức tương thích với chuẩn đầu ra (PLOs)							Tổng
			1	2	3	4	5	6	7	
1	Khối kiến thức tổng quát	14								
1.1	Các học phần bắt buộc	10								
1	Triết học / <i>Philosophy</i>	4	R							1R
2	Tiếng Anh học thuật 1/ <i>English for Academic Purposes 1</i>	3	I						I	2I
3	Tiếng Anh học thuật 2 / <i>English for Academic Purposes 2</i>	3	R						R	2R
1.2	Các học phần tự chọn	4								
	Nhóm học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 HP)									
4	Khoa học quản lý/ <i>Scientific Management</i>	2		x					x	
5	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính – Ngân hàng / <i>Research Methods in Finance and Banking</i>	2		x	x	x	x	x	x	
	Nhóm học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP)									
6	Quản lý dự án/ <i>Project Management</i>	2		x					x	
7	Thương mại điện tử/ <i>E-Commerce</i>	2		x						
8	Tư duy phản biện và tư duy sáng / <i>Critical and Creative Thinking</i>	2		x	x	x	x	x	x	
2	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	21								
2.1	Các học phần bắt buộc	9								
9	Chuyên đề ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ / <i>Topics in Central Banking and Monetary Policy</i>	3		R	R	R	R	R	R	6R

10	Chuyên đề Tài chính toàn diện và phát triển bền vững / <i>Topics in Financial Inclusion and Sustainable Development</i>	3		R	R	R	M	M	R	4R+2M
11	Chuyên đề về tài chính công / <i>Topics in Public Finance</i>	3			R	M	M	M	R	2R+3M
12	Chuyên đề đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư / <i>Topics in Financial Investment and Portfolio Management</i>	3			M	R		M	R	2R+2M
13	Chuyên đề về Quản trị tài chính / <i>Topics in Financial Management</i>	3			M	R		M	R	2R+2M
14	Chuyên đề Quản trị ngân hàng thương mại / <i>Topics in Commercial Bank Management</i>	3			M	R		M	R	2R+2M
15	Chuyên đề về Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại / <i>Topics in Commercial Bank Management</i>	3			M	R		M	R	2R+2M
2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 5 HP, mỗi HP 2 TC)	10								
16	Tài chính quốc tế nâng cao / <i>Advanced International Finance</i>	2			x	x	x			
17	Tài chính hành vi nâng cao/ <i>Advanced Behavioral Finance</i>	2			x	x	x			
18	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao/ <i>Advanced Financial Risk Management</i>	2			x	x	x			
19	Ngân hàng đầu tư nâng cao / <i>Advanced Investment Banking</i>	2				x	x	x		
20	Phân tích tài chính nâng cao / <i>Advanced Financial Analysis</i>	2				x	x	x		
21	Phân tích đầu tư chứng khoán nâng cao / <i>Advanced Securities Investment Analysis</i>	2				x	x	x		
22	Tài chính vi mô nâng cao/ <i>Advanced Microfinance</i>	2		x		x	x	x		
23	Phân tích chính sách thuế nâng cao / <i>Advanced Tax Policy Analysis</i>	2		x		x	x	x		

24	Quản lý tài sản trong kỷ nguyên số nâng cao / <i>Advanced Asset Management in the Digital Era</i>	2		x		x	x	x		
25	Tiền kỹ thuật số và Ngân hàng số nâng cao / <i>Advanced Digital Currency and Digital Banking</i>	2		x		x	x	x		
4	Khối kiến thức tốt nghiệp	15								
26	Chuyên đề thực tế về Tài chính – Ngân hàng/ <i>Applied Seminar in Finance and Banking</i>	6	R	M	R	R	M	R	R	6R+1M
27	Đề án tốt nghiệp / <i>Capstone Project</i>	9	R	M	M	M	R	M	M	3R+4M
Tổng		60	1I + 4R	2R + 2M	4R + 5M	7R + 2M	2R + 3M	2R + 7M	1I + 9R + 1M	2I + 30R + 20M
Chuẩn đầu ra			1	2	3	4	5	6	7	

Ghi chú:

- *I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức độ giới thiệu/bắt đầu*
- *R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở học phần này, người học có nhiều cơ hội tiếp cận kiến thức chuyên môn, thực hành, thí nghiệm, thực tế,...*
- *M (Mastery): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO, hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng.*

XI. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

TT	Tên HP	Mô tả vắn tắt học phần	Đáp ứng CDR
1	Triết học / <i>Philosophy</i>	Khái luận về triết học, lịch sử triết học phương Đông và triết học phương Tây, sự ra đời của triết học Mác-Lênin, CNDVBC và CNDVLS. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay; Mối quan hệ giữa khoa học với triết học; Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội, sự phát triển của khoa học công nghệ ở Việt Nam hiện nay.	PLO1
2	Tiếng Anh học thuật 1/ <i>English for Academic Purposes 1</i>	Học phần trang bị cho học viên các kỹ năng tiếng Anh học thuật nền tảng cần thiết cho môi trường học thuật sau đại học, bao gồm đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, viết đoạn văn và bài luận ngắn, ghi chú khi nghe, và thuyết trình cơ bản. Học viên đồng thời được làm quen với từ vựng chuyên ngành tài chính – ngân hàng và các cấu trúc ngôn ngữ học thuật cơ bản	PLO1, PLO7
3	Tiếng Anh học thuật 2/ <i>English for Academic Purposes 2</i>	Học phần nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh học thuật cho học viên sau đại học, tập trung vào kỹ năng viết bài nghiên cứu, đọc và phân tích các tài liệu học thuật chuyên sâu, trình bày và tranh luận bằng tiếng Anh trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Ngoài ra, học viên được thực hành viết tóm tắt, trích dẫn, và lập luận học thuật theo chuẩn quốc tế	PLO1, PLO7
4	Khoa học quản lý / <i>Administrative Science</i>	Học phần trang bị cho người học hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý trong thế kỷ XXI; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.	PLO2, PLO7
5	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính – Ngân hàng / <i>Research Methods in Finance and Banking</i>	Môn học cung cấp cho người học nền tảng lý thuyết và kỹ năng thực hành về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Nội dung bao gồm: quy trình nghiên cứu khoa học, cách xây dựng vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế mô hình nghiên cứu, lựa chọn phương pháp định	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7

TT	Tên HP	Mô tả vắn tắt học phần	Đáp ứng CDR
		tính và định lượng, thu thập và phân tích dữ liệu, viết báo cáo nghiên cứu và trình bày kết quả. Môn học giúp người học có khả năng triển khai một đề tài nghiên cứu độc lập hoặc hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu trong môi trường chuyên nghiệp	
6	Quản lý dự án/ <i>Project Management</i>	Học phần cung cấp những kiến thức về quản lý dự án xây dựng bao gồm các vấn đề liên quan theo vòng đời dự án như đánh giá và lựa chọn phương án đầu tư dự án, hoạch định và tổ chức dự án, ước lượng ngân sách dự án, lập tiến độ và quản lý thời gian dự án, kiểm soát và theo dõi sự thực hiện dự án, và kết thúc dự án.	PLO2, PLO7
7	Thương mại điện tử/ <i>E-Commerce</i>	Học phần trang bị cho người học kiến thức nền tảng và ứng dụng thực tiễn về thương mại điện tử trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Nội dung bao gồm: mô hình kinh doanh điện tử, nền tảng công nghệ số (blockchain, thanh toán số, bảo mật), pháp lý và quản trị rủi ro trong giao dịch điện tử, tích hợp hệ thống ngân hàng – fintech. Học viên được rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá và triển khai các giải pháp thương mại điện tử phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong khu vực tài chính	PLO2
8	Tư duy phản biện và tư duy sáng / <i>Critical and Creative Thinking</i>	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong bối cảnh học thuật và thực tiễn tài chính – ngân hàng. Người học sẽ được tiếp cận với các mô hình tư duy phản biện, phương pháp phân tích logic, đánh giá lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề sáng tạo. Môn học giúp nâng cao năng lực phân tích, phát hiện vấn đề, đưa ra giải pháp đổi mới và phản biện các quan điểm khác nhau trong môi trường chuyên môn	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7
9	Chuyên đề ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ / <i>Topics in Central Banking and Monetary Policy</i>	Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu và cập nhật về vai trò, chức năng và hoạt động của ngân hàng trung ương hiện đại trong điều hành chính sách tiền tệ. Nội dung tập trung vào các công cụ chính sách tiền tệ, cơ chế truyền dẫn, khung điều hành lạm phát mục tiêu, cũng như các vấn đề phức tạp như chính sách tiền tệ trong khủng hoảng, chính sách lãi suất âm, tiền kỹ thuật số của NHTW (CBDC), và phối hợp chính sách tiền tệ – tài khóa. Môn học hướng đến việc tăng cường khả năng phân tích, đánh giá và đề xuất chính sách trong bối cảnh	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7

TT	Tên HP	Mô tả vắn tắt học phần	Đáp ứng CDR
		thực tiễn ở các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam	
10	Chuyên đề Tài chính toàn diện và phát triển bền vững / <i>Topics in Financial Inclusion and Sustainable Development</i>	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu, liên ngành và cập nhật về các khái niệm, mô hình và chính sách tài chính toàn diện (financial inclusion) và tài chính bền vững (sustainable finance). Nội dung bao gồm vai trò của tài chính toàn diện trong xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy tăng trưởng bao trùm, phát triển thị trường tài chính số, tài chính xanh, tài chính khí hậu và hệ thống ngân hàng bền vững. Học viên sẽ được rèn luyện năng lực phân tích chính sách, đánh giá tác động và đề xuất giải pháp phát triển tài chính toàn diện và bền vững trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7
11	Chuyên đề về tài chính công / <i>Topics in Public Finance</i>	Học phần trang bị kiến thức chuyên sâu và cập nhật về lý thuyết và thực tiễn tài chính công trong bối cảnh hiện đại. Nội dung bao gồm cấu trúc thu – chi ngân sách nhà nước, chính sách thuế, chi tiêu công hiệu quả, quản lý nợ công, đầu tư công, phân cấp tài khóa, và cải cách tài chính công gắn với tăng trưởng bền vững. Học viên sẽ được phát triển năng lực phân tích chính sách tài khóa, đánh giá hiệu quả tài chính công và đề xuất các giải pháp cải cách phù hợp với thực tiễn Việt Nam và quốc tế	PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7
12	Chuyên đề đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư / <i>Topics in Financial Investment and Portfolio Management</i>	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu và cập nhật về các lý thuyết và mô hình hiện đại trong đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư. Nội dung bao gồm phân tích tài sản tài chính, lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại, mô hình định giá tài sản, chiến lược đầu tư chủ động và thụ động, định lượng rủi ro danh mục và tối ưu hóa đầu tư. Học viên sẽ được phát triển kỹ năng ứng dụng dữ liệu tài chính và phần mềm phân tích để xây dựng, quản lý và đánh giá hiệu quả danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7
13	Chuyên đề về Quản trị tài chính / <i>Topics in Financial Management</i>	Học phần trang bị cho người học các lý thuyết, công cụ và kỹ năng nâng cao trong quản trị tài chính doanh nghiệp, tập trung vào các vấn đề hiện đại như cấu trúc	PLO3, PLO4, PLO6,

TT	Tên HP	Mô tả vắn tắt học phần	Đáp ứng CDR
		vốn tối ưu, chính sách cổ tức, quản trị thanh khoản, định giá doanh nghiệp, và phân tích tài chính chiến lược. Học phần cũng tích hợp các yếu tố không chắc chắn của môi trường vĩ mô, rủi ro thị trường và hành vi tài chính để hỗ trợ ra quyết định tài chính hiệu quả. Người học sẽ thực hành xây dựng và phân tích các kịch bản tài chính để nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong thực tiễn	PLO7
14	Chuyên đề Quản trị ngân hàng thương mại / <i>Topics in Commercial Bank Management</i>	Học phần cung cấp kiến thức nâng cao về hoạt động quản trị ngân hàng thương mại hiện đại trong bối cảnh cạnh tranh và thay đổi nhanh chóng của thị trường tài chính. Nội dung tập trung vào các vấn đề như quản trị tài sản – nợ, quản trị thanh khoản, định giá sản phẩm ngân hàng, quản trị hiệu quả hoạt động, ứng dụng công nghệ tài chính (FinTech), chuyển đổi số và tuân thủ quy định Basel. Người học sẽ phân tích các tình huống thực tiễn, vận dụng mô hình tài chính và các chỉ số đánh giá để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của ngân hàng thương mại	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7
15	Chuyên đề về Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại / <i>Topics in Commercial Bank Management</i>	Học phần cung cấp kiến thức nâng cao về các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của ngân hàng thương mại như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và rủi ro pháp lý. Học viên sẽ được tiếp cận các mô hình đo lường và quản trị rủi ro hiện đại, quy định Basel II/III/IV, cơ chế kiểm soát nội bộ và khung quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM). Thông qua các tình huống thực tế và phân tích dữ liệu, học viên được rèn luyện kỹ năng đánh giá, dự báo và ra quyết định để kiểm soát rủi ro hiệu quả, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7
16	Tài chính quốc tế nâng cao / <i>Advanced International Finance</i>	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các vấn đề tài chính trong môi trường toàn cầu, bao gồm: cơ chế tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối, công cụ phái sinh ngoại tệ, rủi ro tỷ giá và quản trị rủi ro tài chính quốc tế, đầu tư xuyên quốc gia, cán cân thanh toán, dòng vốn quốc tế và chính sách tiền tệ toàn cầu. Học viên sẽ được trang bị các công cụ phân tích để đánh	PLO3, PLO4, PLO5

TT	Tên HP	Mô tả vắn tắt học phần	Đáp ứng CDR
		giá tác động của biến động toàn cầu đến hoạt động tài chính doanh nghiệp và hệ thống tài chính trong nước	
17	Tài chính hành vi nâng cao/ <i>Advanced Behavioral Finance</i>	Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về tài chính hành vi hiện đại, tập trung vào cách các yếu tố tâm lý, nhận thức và hành vi ảnh hưởng đến quyết định tài chính ở cấp độ cá nhân, tổ chức và thị trường. Nội dung bao gồm các sai lệch hành vi phổ biến, lý thuyết kỳ vọng, khung ra quyết định dưới rủi ro, hiệu ứng bầy đàn, hiện tượng bong bóng tài sản và hành vi nhà đầu tư trên thị trường. Học phần cũng giúp người học phân tích các hàm ý thực tiễn đối với quản trị tài chính, đầu tư và hoạch định chính sách	PLO3, PLO4, PLO5
18	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao/ <i>Advanced Financial Risk Management</i>	Học phần cung cấp kiến thức nâng cao về lý thuyết và thực tiễn quản trị rủi ro tài chính trong bối cảnh thị trường biến động và toàn cầu hóa. Người học được trang bị kỹ năng nhận diện, đo lường và kiểm soát các loại rủi ro tài chính như rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá. Học phần cũng chú trọng đến việc sử dụng các công cụ phái sinh và kỹ thuật phòng ngừa rủi ro hiện đại, cũng như các khung pháp lý và chuẩn mực quốc tế liên quan (như Basel III)	PLO3, PLO4, PLO5
19	Ngân hàng đầu tư nâng cao / <i>Advanced Investment Banking</i>	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về vai trò và hoạt động của ngân hàng đầu tư trong thị trường tài chính hiện đại. Nội dung bao gồm: cấu trúc và chức năng của ngân hàng đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp (M&A, IPO, định giá doanh nghiệp), quản lý phát hành chứng khoán, quản trị rủi ro trong ngân hàng đầu tư và các vấn đề pháp lý liên quan. Ngoài ra, học phần còn phân tích các xu hướng hiện đại như fintech trong ngân hàng đầu tư và chiến lược toàn cầu hóa thị trường vốn	PLO4, PLO5, PLO6
20	Phân tích tài chính nâng cao / <i>Advanced Financial Analysis</i>	Học phần trang bị cho người học các phương pháp phân tích tài chính chuyên sâu phục vụ cho quá trình ra quyết định tài chính trong doanh nghiệp và tổ chức tài chính. Nội dung bao gồm: phân tích báo cáo tài	PLO4, PLO5, PLO6

TT	Tên HP	Mô tả vắn tắt học phần	Đáp ứng CDR
		chính nâng cao, đánh giá hiệu quả tài chính, phân tích dòng tiền, phân tích cấu trúc vốn, phân tích rủi ro và khả năng thanh toán, sử dụng các mô hình định lượng và phần mềm hỗ trợ phân tích tài chính hiện đại. Học phần kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, gắn với các tình huống thực tiễn từ thị trường Việt Nam và quốc tế	
21	Phân tích đầu tư chứng khoán nâng cao / <i>Advanced Securities Investment Analysis</i>	Học phần cung cấp kiến thức nâng cao về lý thuyết và thực tiễn trong phân tích và định giá chứng khoán, đặc biệt là cổ phiếu và trái phiếu. Người học được trang bị các công cụ và kỹ thuật phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật, sử dụng dữ liệu thị trường, phân tích ngành và doanh nghiệp, đánh giá rủi ro, và ra quyết định đầu tư. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến hành vi nhà đầu tư, phân tích hiệu quả thị trường, cũng như ứng dụng các mô hình định lượng trong đầu tư	PLO4, PLO5, PLO6
22	Tài chính vi mô nâng cao/ <i>Advanced Microfinance</i>	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về tài chính vi mô, tập trung vào vai trò của các tổ chức tài chính vi mô trong việc hỗ trợ tài chính cho các cá nhân và doanh nghiệp thu nhập thấp. Nội dung bao gồm: các mô hình tài chính vi mô, thiết kế sản phẩm tài chính phù hợp, quản trị rủi ro tín dụng trong tài chính vi mô, đo lường tác động xã hội và tài chính, cũng như chính sách và quy định liên quan. Học phần cũng thảo luận các thách thức và đổi mới trong tài chính vi mô hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh số hóa và tài chính toàn diện	PLO2, PLO4, PLO5, PLO6
23	Phân tích chính sách thuế nâng cao / <i>Advanced Tax Policy Analysis</i>	Học phần trang bị kiến thức chuyên sâu về phân tích chính sách thuế trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển bền vững. Nội dung bao gồm: nguyên lý thiết kế hệ thống thuế hiệu quả và công bằng; các tác động kinh tế – xã hội của chính sách thuế; phân tích các sắc thuế chính như thuế thu nhập, thuế tiêu dùng, thuế tài sản; đánh giá tác động chính sách thuế đến hành vi doanh nghiệp và hộ gia đình; so sánh hệ thống thuế giữa các quốc gia và xu hướng cải cách thuế hiện nay. Học phần cũng phát triển kỹ năng	PLO2, PLO4, PLO5, PLO6

TT	Tên HP	Mô tả vắn tắt học phần	Đáp ứng CDR
		phân tích định lượng và tư duy phản biện trong đánh giá và xây dựng chính sách thuế	
24	Quản lý tài sản trong kỷ nguyên số nâng cao <i>/ Advanced Asset Management in the Digital Era</i>	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản lý tài sản trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới công nghệ tài chính. Nội dung bao gồm: nguyên lý tổ chức danh mục đầu tư hiện đại; chiến lược quản lý tài sản chủ động và thụ động; ứng dụng công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, học máy và dữ liệu lớn trong quản lý danh mục; đánh giá rủi ro – hiệu quả đầu tư trong môi trường biến động; các sản phẩm tài chính thay thế và tài sản số (digital assets); tác động của hành vi nhà đầu tư và yếu tố môi trường – xã hội – quản trị (ESG) đến quyết định đầu tư. Học phần chú trọng phát triển kỹ năng phân tích dữ liệu, mô hình hóa danh mục và ra quyết định đầu tư trong môi trường số.	PLO2, PLO4, PLO5, PLO6
25	Tiền kỹ thuật số và Ngân hàng số nâng cao <i>/ Advanced Digital Currency and Digital Banking</i>	Học phần trang bị kiến thức chuyên sâu về các xu hướng phát triển của tiền kỹ thuật số và chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng. Nội dung bao gồm: tổng quan về tiền kỹ thuật số, tiền mã hóa, stablecoins và tiền tệ kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC); tác động của công nghệ blockchain và hợp đồng thông minh đến hoạt động tài chính – ngân hàng; mô hình ngân hàng số và các công nghệ hỗ trợ (AI, dữ liệu lớn, điện toán đám mây); phân tích rủi ro, an ninh mạng và vấn đề pháp lý trong môi trường số hóa; so sánh kinh nghiệm triển khai CBDC và ngân hàng số giữa các quốc gia. Học phần đồng thời phát triển tư duy phản biện, năng lực phân tích chính sách và ứng dụng công nghệ trong đổi mới mô hình ngân hàng.	PLO2, PLO4, PLO5, PLO6
26	Chuyên đề thực tế về Tài chính – Ngân hàng/ <i>Applied Seminar in Finance and Banking</i>	Học phần nhằm kết nối lý thuyết với thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng thông qua phân tích tình huống thực tế, nghiên cứu điển hình, tọa đàm chuyên đề và các chuyến đi thực địa tại các tổ chức tài chính, ngân hàng hoặc doanh nghiệp. Học viên sẽ được yêu cầu trình bày, thảo luận và đề xuất giải pháp cho các vấn đề thực tiễn, từ đó nâng cao tư duy	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7

TT	Tên HP	Mô tả vắn tắt học phần	Đáp ứng CDR
		phản biện, năng lực giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp chuyên môn	
27	Đề án tốt nghiệp / <i>Capstone Project</i>	Học phần là bước tổng kết kiến thức và kỹ năng mà học viên đã tích lũy trong suốt quá trình học. Học viên lựa chọn một vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng để nghiên cứu, phân tích và đề xuất giải pháp. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, học viên xây dựng báo cáo khoa học ứng dụng có cơ sở lý luận vững chắc và giá trị thực tiễn cao. Kết quả đề án được trình bày trước hội đồng phản biện	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7

XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch tiêu chuẩn trong 4 học kỳ: 3 học kỳ đầu học các học phần kiến thức chung, kiến thức ngành và chuyên ngành, học kỳ thứ tư thực hiện thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai và/hoặc làm luận văn, đề án tốt nghiệp.

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu. Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Sau Đại học và cố vấn học tập (nếu có) hoặc Ban chủ nhiệm chương trình tư vấn học viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp với chuyên môn, năng lực và kế hoạch học tập của học viên.

Các phương pháp và hoạt động dạy - học nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra; các phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng được công bố công khai và được thực hiện một cách phù hợp và hiệu quả trong quá trình tổ chức đào tạo.

Các hoạt động hỗ trợ người học như truy cập tài liệu tại Thư viện, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị thí nghiệm phục vụ học tập và nghiên cứu, giới thiệu nơi thực tập... được Nhà trường chú trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

PHẦN V. TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng, mã ngành 8340201 đã đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT.

Trường Đại học Nha Trang cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ thạc sĩ theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, cũng như cả nước. 

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường;
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT, ĐTSĐH



HIỆU TRƯỞNG

Quách Hoài Nam